

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thủy Tiên
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG – 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thủy Tiên
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG – 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thủy Tiên Mã SV: 1354010078

Lớp: QT1302K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hoá những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà.
 - Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán
Sử dụng số liệu năm 2012.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp
Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã đi sâu phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà, có số liệu minh họa cụ thể (quý 4 năm 2012). Số liệu minh họa giữa chứng từ và sổ sách có tính logic và chính xác cao.

Chương 3, sau khi đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.3. Các khái niệm cơ bản	4
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	9
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	13
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	17
1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	20
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	23
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	25
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	28
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ	33
2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần Bao Bì Hải Hà	33
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà..	33
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ Phần Bao Bì Hải	34

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty CP Bao Bì Hải Hà.....	35
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần bao bì Hải Hà	38
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà	38
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà	45
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty Cổ Phần Bao Bì Hải Hà	51
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà	60
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	67
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Bao Bì Hải Hà	67
CHƯƠNG 3. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ	77
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà.....	77
3.1.1. Ưu điểm.....	77
3.1.2. Hạn chế.....	78
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà	80
3.2.1. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:.....	80
3.2.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và.....	80
xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà	80
3.2.3. Nguyên tắc hoàn thiện.....	81

3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà	81
KẾT LUẬN	102
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	103

LỜI MỞ ĐẦU

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, cạnh tranh gay gắt như hiện nay thì đối với một doanh nghiệp muốn tạo uy tín và thương hiệu trên thị trường là vô cùng khó khăn. Bởi vậy vấn đề quan tâm hàng đầu của nhà quản lí là tính hiệu quả của các hoạt động kinh tế, chi phí bỏ ra, doanh số thu được và kết quả kinh doanh trong kì. Với chức năng cung cấp thông tin, kiểm tra các hoạt động kinh tế, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đáp ứng yêu cầu đó và giúp cho nhà quản lí đưa được ra các quyết định kinh doanh sáng suốt, kịp thời.

Nhận thấy tầm quan trọng của công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, em đã mạnh dạn chọn đề tài : "***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà*** cho bài khóa luận của mình.

Ngoài Lời nói đầu và Kết luận, bài khóa luận của em gồm có 3 chương:

Chương I : Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương II : Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Bao Bì Hải Hà

Chương III : Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Bao Bì Hải Hà

Vì thời gian và kiến thức có hạn nên bài viết của em chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Sinh viên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào hoạt động hiệu quả cao nhất (tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá rủi ro) và lợi nhuận là thước đo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập, chi phí. Hay nói cách khác doanh thu, thu nhập khác, chi phí và lợi nhuận là các chỉ tiêu phản ánh tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó doanh nghiệp cần phải kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí để biết được kinh doanh mặt hàng nào, mở rộng mặt hàng nào để đạt được kết quả cao nhất. Như vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, qua đó cung cấp được thông tin, số liệu cần thiết giúp cho chủ doanh nghiệp và giám đốc điều hành có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả cao nhất.

Tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp những thông tin quan trọng không chỉ cần thiết đối với nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

+ Đối với nhà đầu tư: Thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định đầu tư hợp lý.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính Thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh cung cấp điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định có cho vay không, cho vay bao nhiêu và bao lâu.

+ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp Chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà Nước,...

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để đáp ứng nhu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- ✓ Tính toán và ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời khối lượng tiêu thụ.
- ✓ Quản lý về số lượng, giá trị hàng xuất bán bao gồm việc quản lý từng người mua, từng nhóm hàng.
- ✓ Vận dụng nguyên tắc giá phí và các phương pháp tính giá phù hợp để xác định chính xác giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và các chi phí khác nhằm xác định đúng đắn kết quả bán hàng.
- ✓ Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu nhận, xử lý, hệ thống hóa và cung cấp thông tin về tình hình bán hàng, tình hình quản lý chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, tình hình quản lý chi phí và xác định kết quả kinh doanh thông qua việc lập các chứng từ kế toán để chứng minh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, mở sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết để phản ánh tình hình khối lượng hàng hoá tiêu thụ, ghi nhận doanh thu bán hàng và các chỉ tiêu liên quan khác của khối lượng hàng bán (giá bán, doanh thu thuần..)
- ✓ Kế toán quản lý chặt chẽ tình hình biến động và dự trữ kho hàng hoá, phát hiện, xử lý kịp thời hàng hoá ứ đọng
- ✓ Tham mưu các biện pháp thúc đẩy bán hàng, mở rộng thị phần, tăng vòng quay tổng vốn.
- ✓ Theo dõi và thanh toán kịp thời công nợ với khách hàng và nhà cung cấp.
- ✓ Ghi chép theo dõi, phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ

✓ Cung cấp các thông tin, số liệu về tình hình bán hàng cho lãnh đạo để phục vụ cho việc ra các quyết định, điều hành hoạt động kinh doanh, cung cấp số liệu, tài liệu cho các cơ quan quản lý phục vụ cho yêu cầu quản lý chung của ngành thương mại và của nền kinh tế.

1.1.3. Các khái niệm cơ bản

1.1.3.1. Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. (Theo Chuẩn mực kế toán số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác", ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Các loại doanh thu

❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thời điểm ghi nhận Doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

- *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp:* Theo phương thức này, người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ,

người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- *Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý* : thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

- *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng* : thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng đến địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua nhận nợ.

- *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp*: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ ***Doanh thu bán hàng nội bộ***

Doanh thu bán hàng nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ ***Các khoản giảm trừ doanh thu***

- *Chiết khấu thương mại* : là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- *Giảm giá hàng bán* : là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- *Hàng bán bị trả lại* : là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- *Thuế giá trị gia tăng phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)*: Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỉ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt* : là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế thu vào các mặt hàng được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hoặc biên giới giữa các quốc gia.

❖ ***Doanh thu thuần***: là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ với các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ ***Doanh thu hoạt động tài chính*** : Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của DN.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

❖ ***Thu nhập khác***

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. (*Theo chuẩn mực kế toán số 14*)

Thu nhập khác bao gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán thanh lý Tài sản cố định.
- + Chênh lệch lãi do đánh giá vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- + Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- + Thu các khoản nợ phải trả không các định được chủ.

- + Thu nhập quà biếu tặng...
- + Các khoản thu khác.

1.1.3.2. Chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu. (Theo chuẩn mực kế toán số 01 - "Chuẩn mực chung", ban hành theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng BTC)

Chi phí bao gồm:

- *Giá vốn hàng bán* : là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ, xuất bán trong kỳ.
- *Chi phí bán hàng* : là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,...
- *Chi phí quản lý doanh nghiệp* : là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; các khoản trích theo lương; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp ;...
- *Chi phí tài chính* : là những khoản chi phí hoạt động tài chính, bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...
- *Chi phí khác* : là những khoản chi phí (lỗ) phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.
- *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp* :

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận (hoặc lỗ) của một năm tài chính.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu

nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.3.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

❖ *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh* : là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD} = \text{DT BH và CC DV} - \text{Các khoản giảm trừ DT} - \text{GVHB} - \text{CP BH, QLDN}$$

❖ *Kết quả hoạt động tài chính* : là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính

$$\text{Lợi nhuận tài chính} = \text{DT hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

❖ *Kết quả hoạt động khác* : là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

❖ *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số của Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD, Lợi nhuận tài chính và Lợi nhuận khác

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động SXKD} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động TC} + \text{Lợi nhuận khác}$$

❖ *Lợi nhuận sau thuế TNDN* : là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế TNDN

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- + Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường
- + Phiếu thu, Phiếu chi
- + Giấy báo Nợ, Giấy báo Có
- + Hợp đồng kinh tế
- + Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

+ Kết cấu:

Bên Nợ :

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất, nhập khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có :

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
- + Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.
- + Tài khoản 511 có 6 tài khoản cấp hai:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112: Doanh thu bán các sản phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

TK 5118: Doanh thu khác

❖ **Tài khoản 512** - Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

+ Kết cấu:

Bên Nợ :

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có :

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

+ Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

+ Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp hai:

TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

❖ **Tài khoản 521** – Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua

bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

+ Kết cấu:

Bên Nợ : Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có : Cuối kỳ, kết chuyển chiết khấu thương mại sang tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

+ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 531** – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân : vi phạm cam kết; vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị kém, mất phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách.

+ Kết cấu:

Bên Nợ : Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.

Bên Có : Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, hoặc tài khoản “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

+ Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

❖ **Tài khoản 532** – Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

+ Kết cấu:

Bên Nợ : Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có : Kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản “Doanh thu nội bộ”.

+ Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 333** – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tài khoản này dùng để phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp, đã nộp còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

+ Kết cấu:

Bên Nợ :

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ.
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào ngân sách Nhà nước.
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp.
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

Bên Có :

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp.
 - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào ngân sách Nhà nước.
- + Tài khoản 333 có số dư bên Có hoặc bên Nợ (nếu có).
- + Tài khoản 333 có 9 tài khoản cấp 2, trong đó, để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng tài khoản 3331, 3332, 3333:

Tài khoản 3331 – Thuế GTGT phải nộp

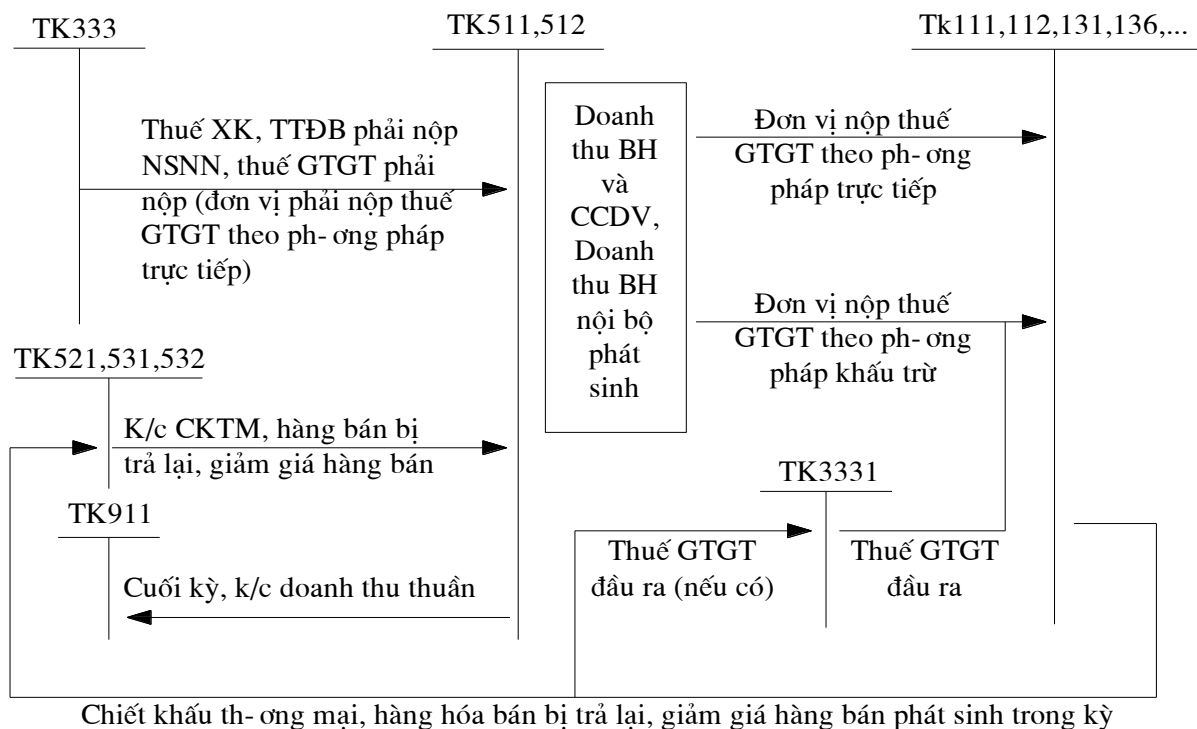
Tài khoản 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt

Tài khoản 3333 – Thuế xuất, nhập khẩu

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1.

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 632 – giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư (BĐSDT); giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với DN xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

+ *Kết cấu TK632 trong trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên*

Bên Nợ :

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TDCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Bên Có :

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
- + *Kết cấu TK632 trong trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:*

✓ **Bên Nợ:**

- + Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;
- + Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ;
- + Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

✓ **Bên Có:**

- + Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.
- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính .
- + Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- + Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ;
- + Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ Ngoài ra, nếu doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ thì còn sử dụng **Tài khoản 631** – “Giá thành sản xuất”

Tài khoản này phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn,... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

+ Kết cấu:

Bên Nợ :

- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có :

- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang”.

+ Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3. Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán

Theo chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho" (*Ban hành theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng BTC*), thì việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

- *Phương pháp bình quân gia quyền* : giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

- *Phương pháp tính theo giá đích danh* : được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được

- *Phương pháp nhập trước, xuất trước* : áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng

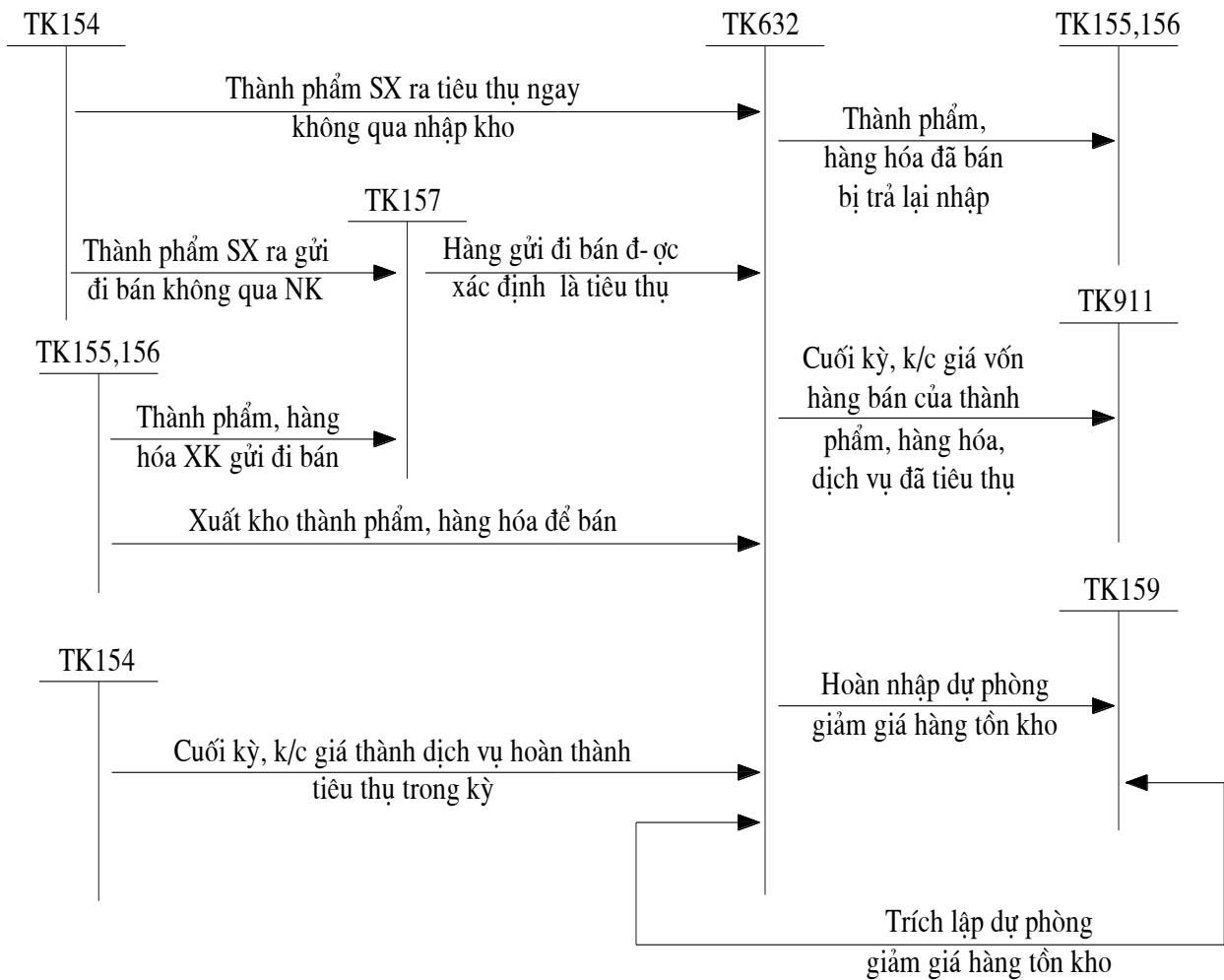
nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- *Phương pháp nhập sau, xuất trước* : áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

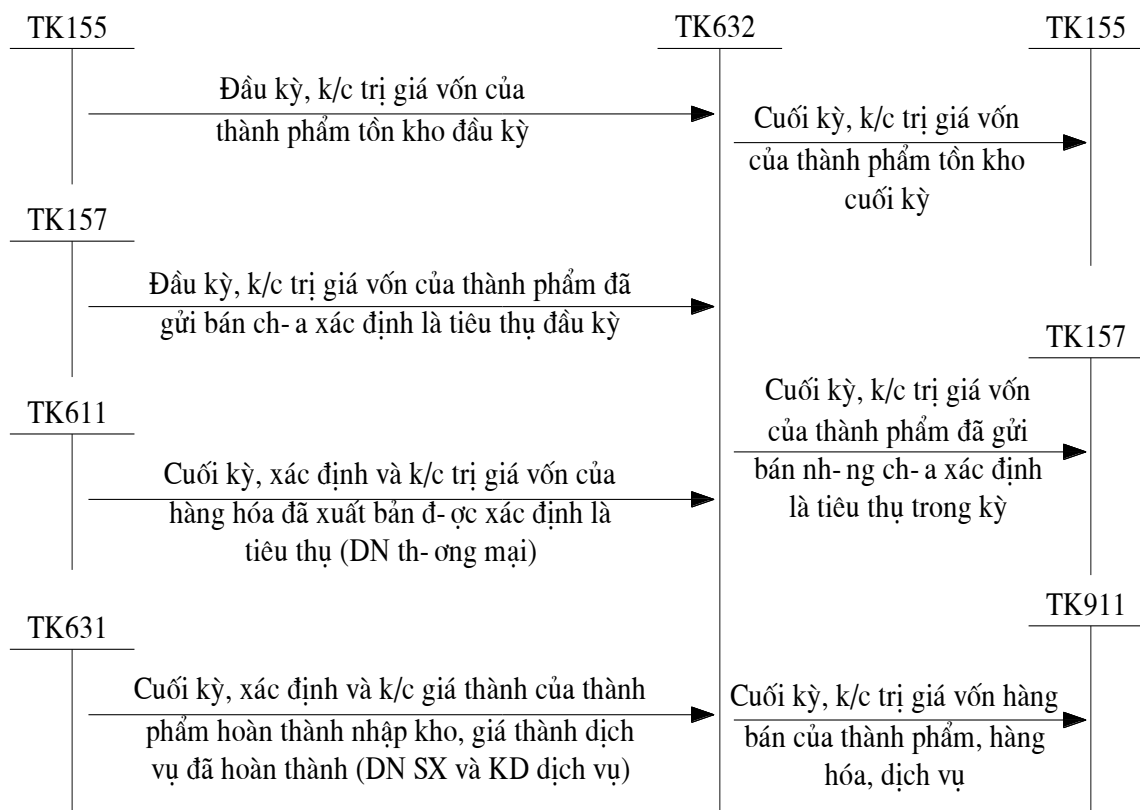
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo 2 phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kì được khái quát qua 2 sơ đồ 1.2 và 1.3.

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng:

- + Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- + Phiếu xuất kho
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao
- + Phiếu chi, Giấy báo Nợ
- + Hóa đơn GTGT,...

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng**

Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,...

+ Kết cấu:

Bên Nợ : Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Bên Có : Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”

+ Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

+ Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

TK 6411: Chi phí nhân viên

TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì

TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng

TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định

TK 6415: Chi phí bảo hành

TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

❖ **Tài khoản 642** – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; các khoản trích theo lương; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp;...

+ Kết cấu:

Bên Nợ :

- Chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.

- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên Có :

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

+ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

+ Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định

TK 6425: Thuế, phí và lệ phí

TK 6426: Chi phí dự phòng

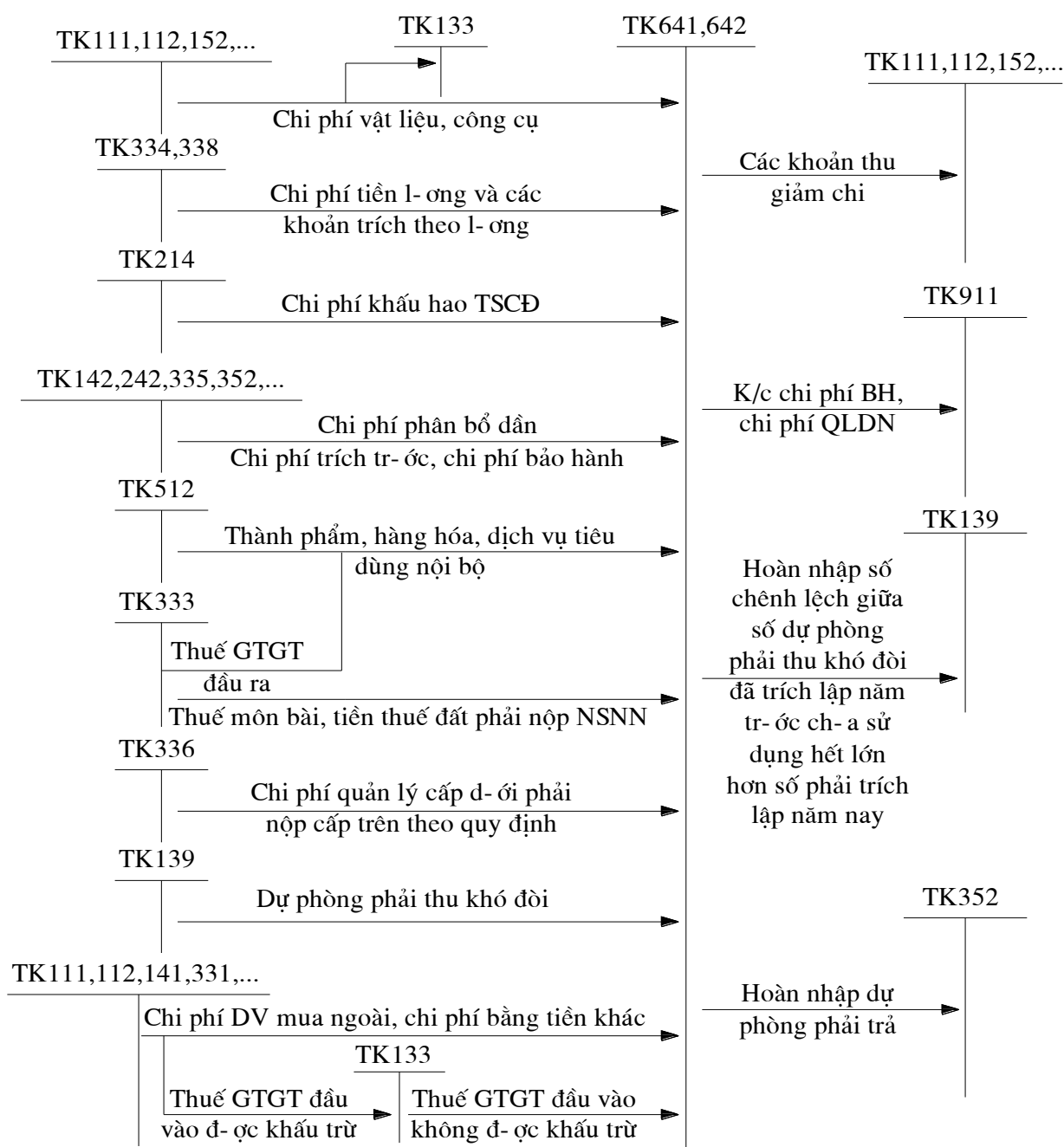
TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428: Chi phí khác bằng tiền

1.2.3.2. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ 1.4.

Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Giấy báo nợ, giấy báo có
- + Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

+Kết cấu:

Bên Nợ :

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có :

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
 - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
 - Chiết khấu thanh toán được hưởng.
 - Lãi tỷ giá hối đoái.
 - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
 - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
- + Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối

đoái,...

+ Kết cấu:

Bên Nợ :

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có :

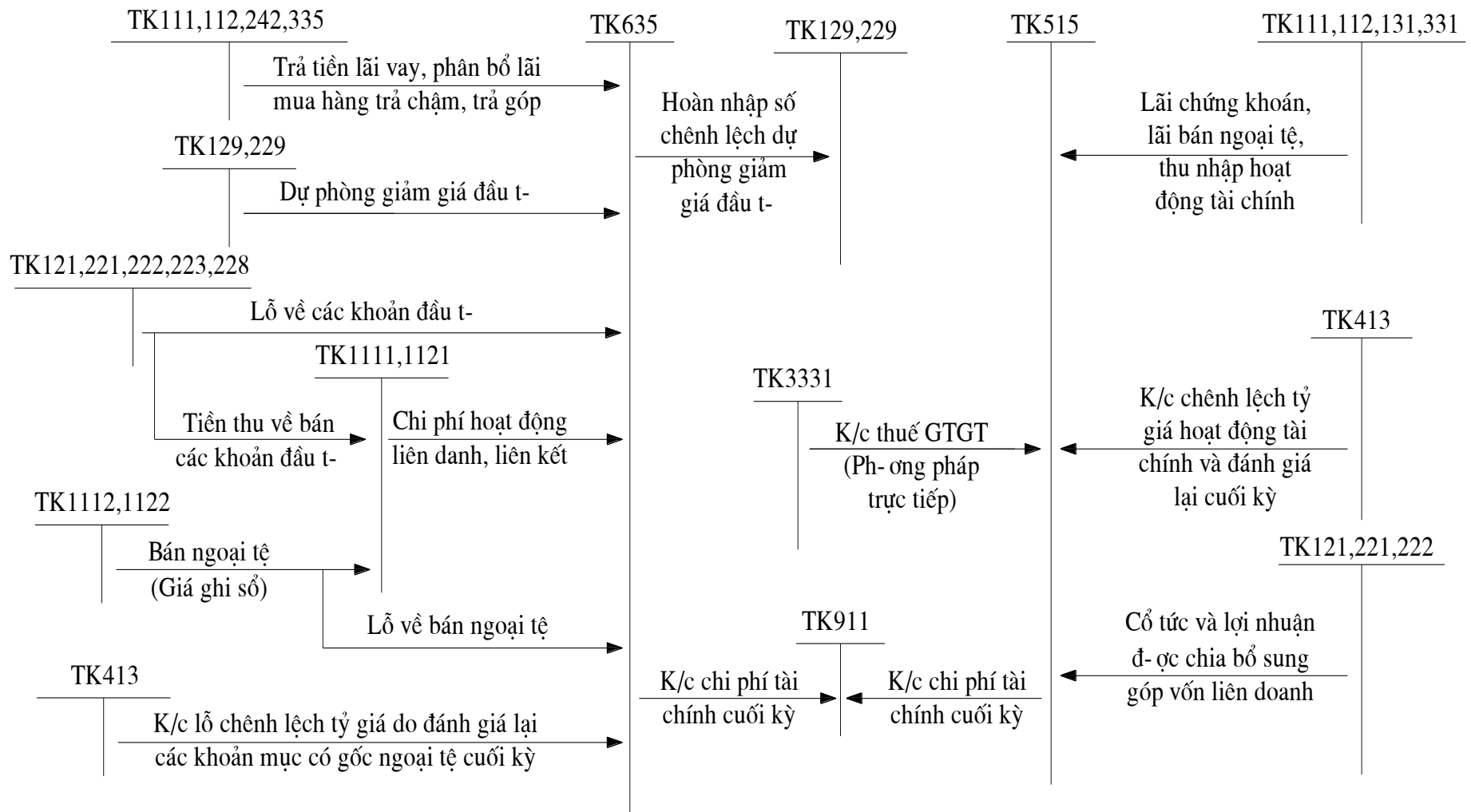
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.5

Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- + Biên bản đánh giá lại tài sản
- + Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- + Biên bản góp vốn liên doanh
- + Phiếu thu, Phiếu chi
- + Hóa đơn GTGT, Hóa đơn thông thường ...

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Kết cấu:

Bên Nợ :

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Kết chuyển thu nhập khác sang tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên Có :

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

+ Kết cấu:

Bên Nợ : Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có : Kết chuyển chi phí khác vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

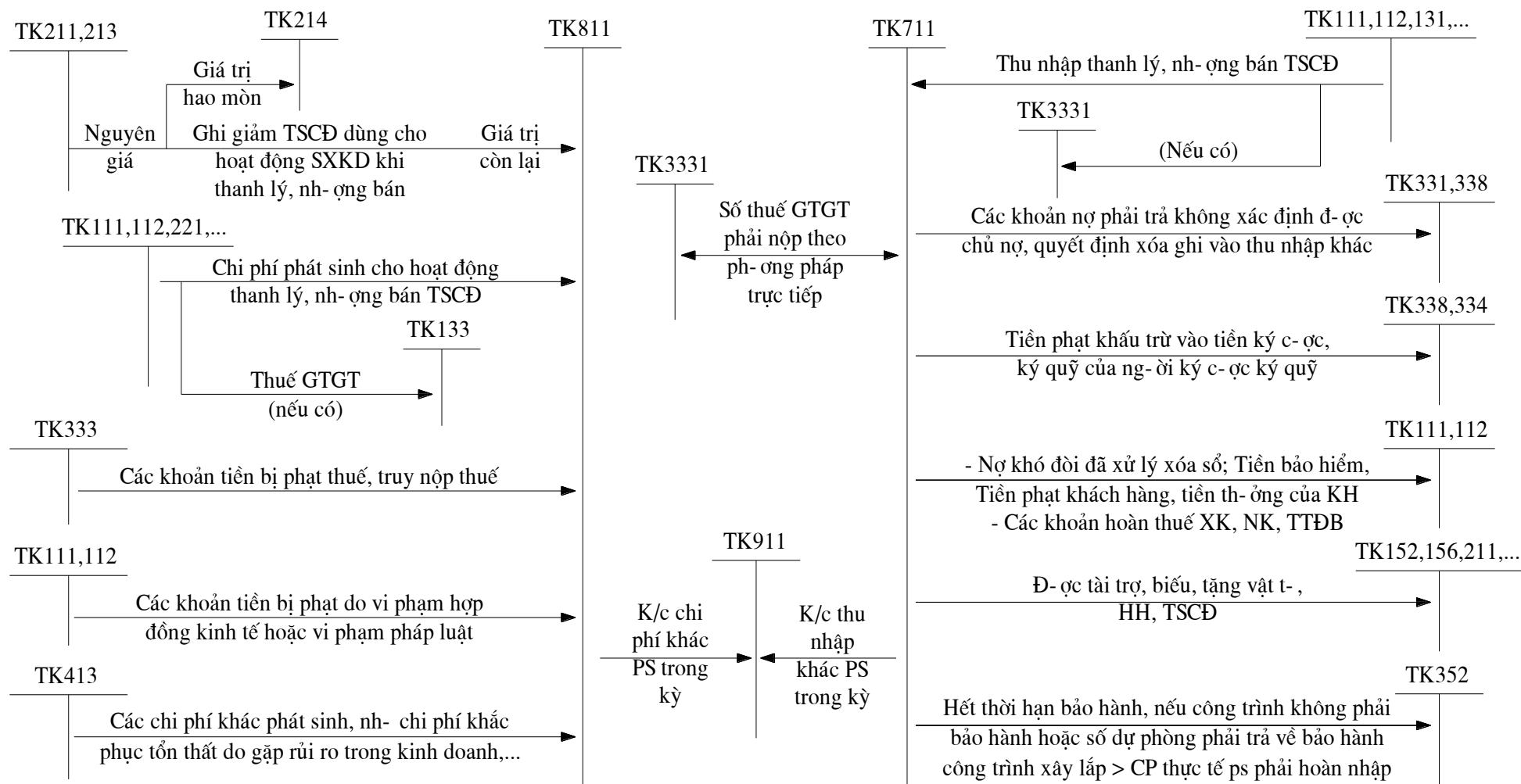
+ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ

1.6

Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán kết chuyển

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

+ Kết cấu:

Bên Nợ :

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán
- Chi phí tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

Bên Có :

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

+ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của doanh nghiệp bao gồm Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

+Kết cấu:

Bên Nợ :

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm hiện tại.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi

nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có tài khoản “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ tài khoản “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có :

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm.
- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.
- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại
- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ tài khoản chi phí thuế TNDN hiện hành lớn hơn số phát sinh bên Có tài khoản chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong kỳ vào bên Nợ tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”.

+ Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

+ Tài khoản 821 có 2 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài khoản 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

❖ **Tài khoản 421** – Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

+ Kết cấu:

Bên Nợ :

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên Có :

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

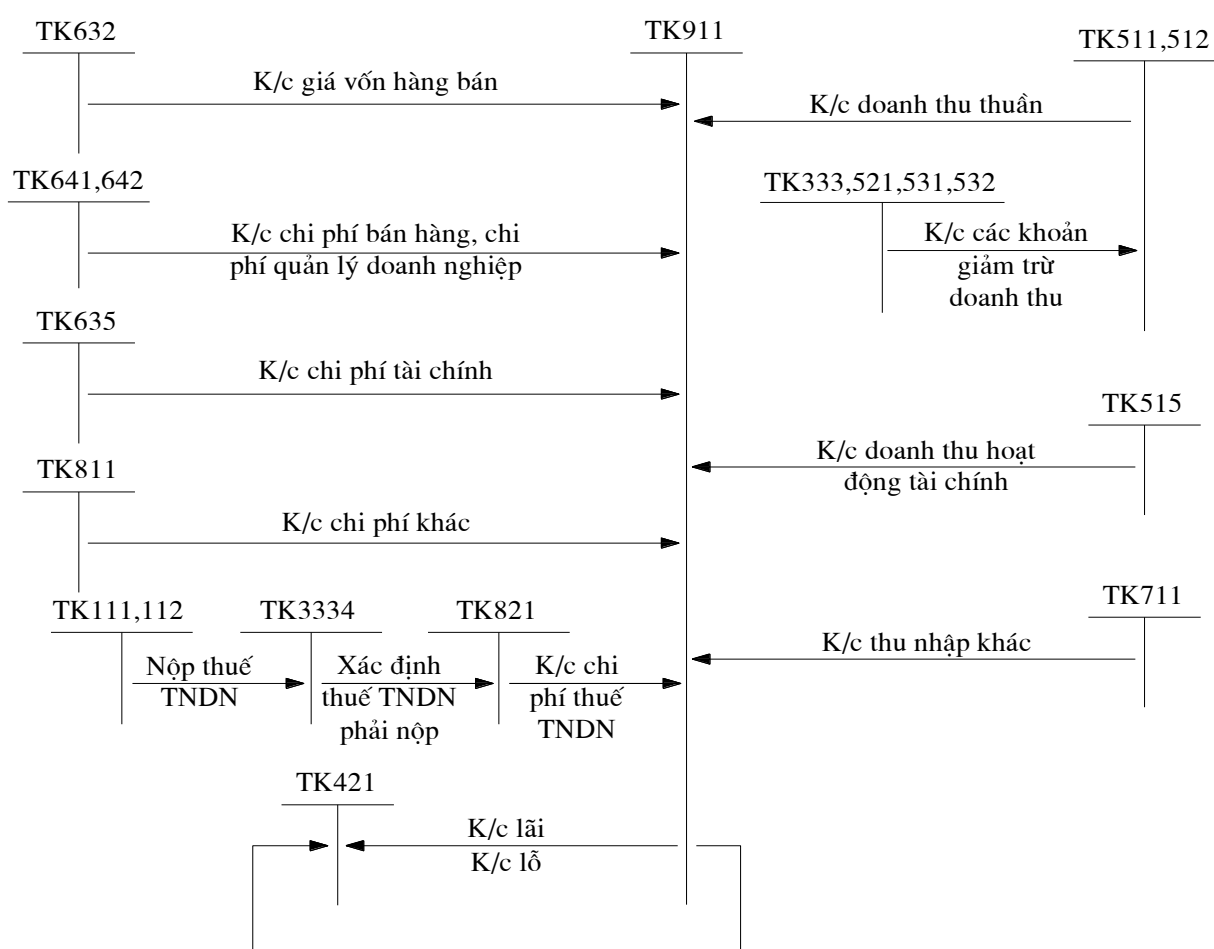
Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

Tài khoản 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



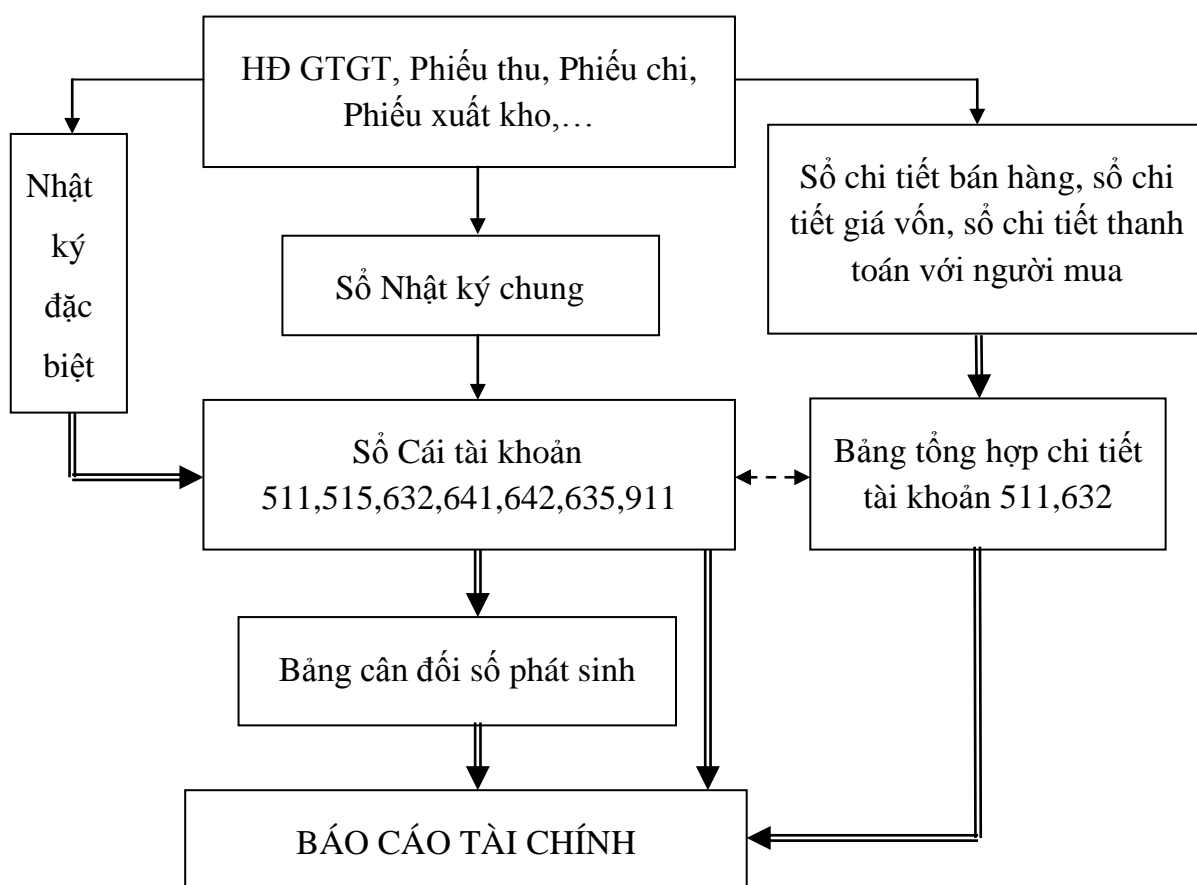
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

❖ **Hình thức Nhật ký chung:** Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ sau:

- + Nhật ký chung
- + Sổ nhật ký đặc biệt, Sổ nhật ký bán hàng
- + Sổ Cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Quy trình hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ 1.8

Sơ đồ 1.8. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung



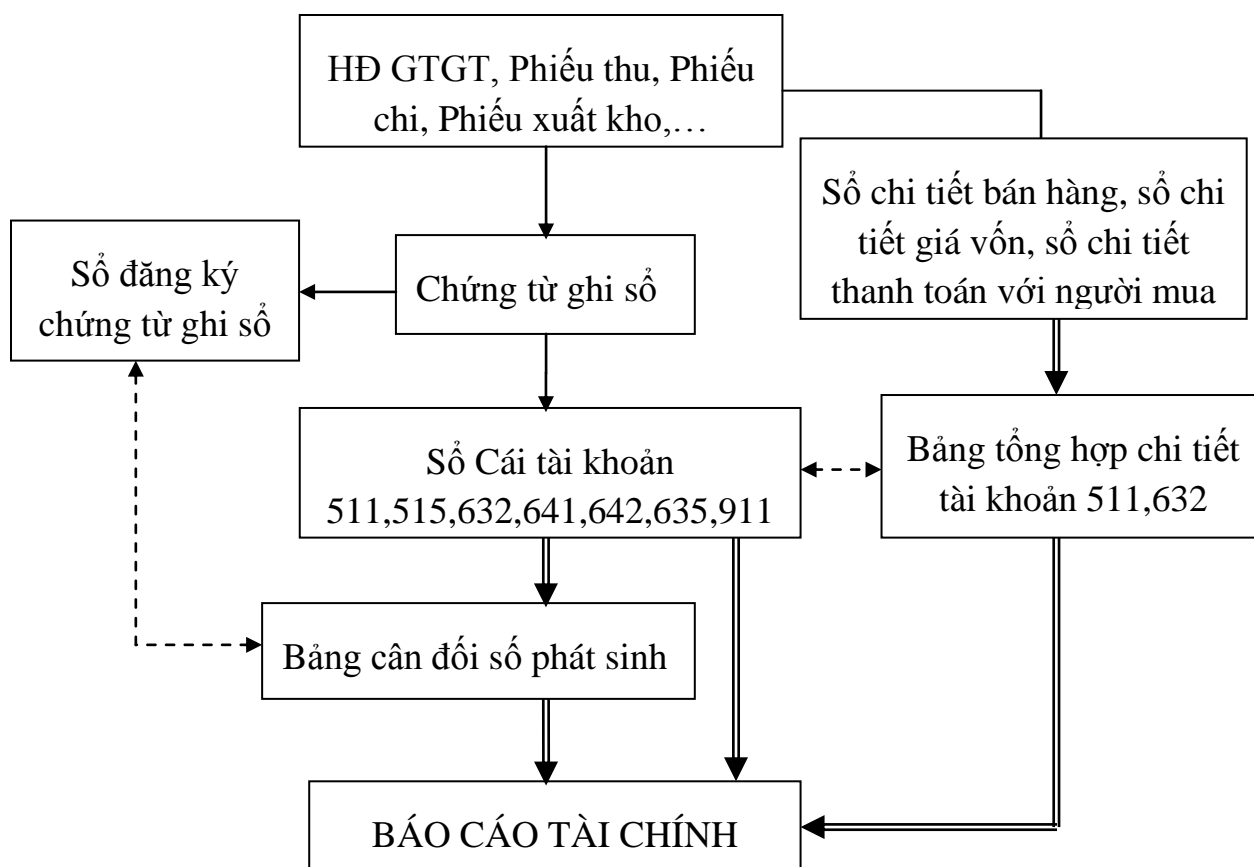
- Ghi chú:
- Ghi hàng ngày →
 - Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒
 - Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

❖ **Hình thức Chứng từ ghi sổ:** Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ sau:

- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Sổ Cái.

Quy trình hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ 1.9

Sơ đồ 1.9. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

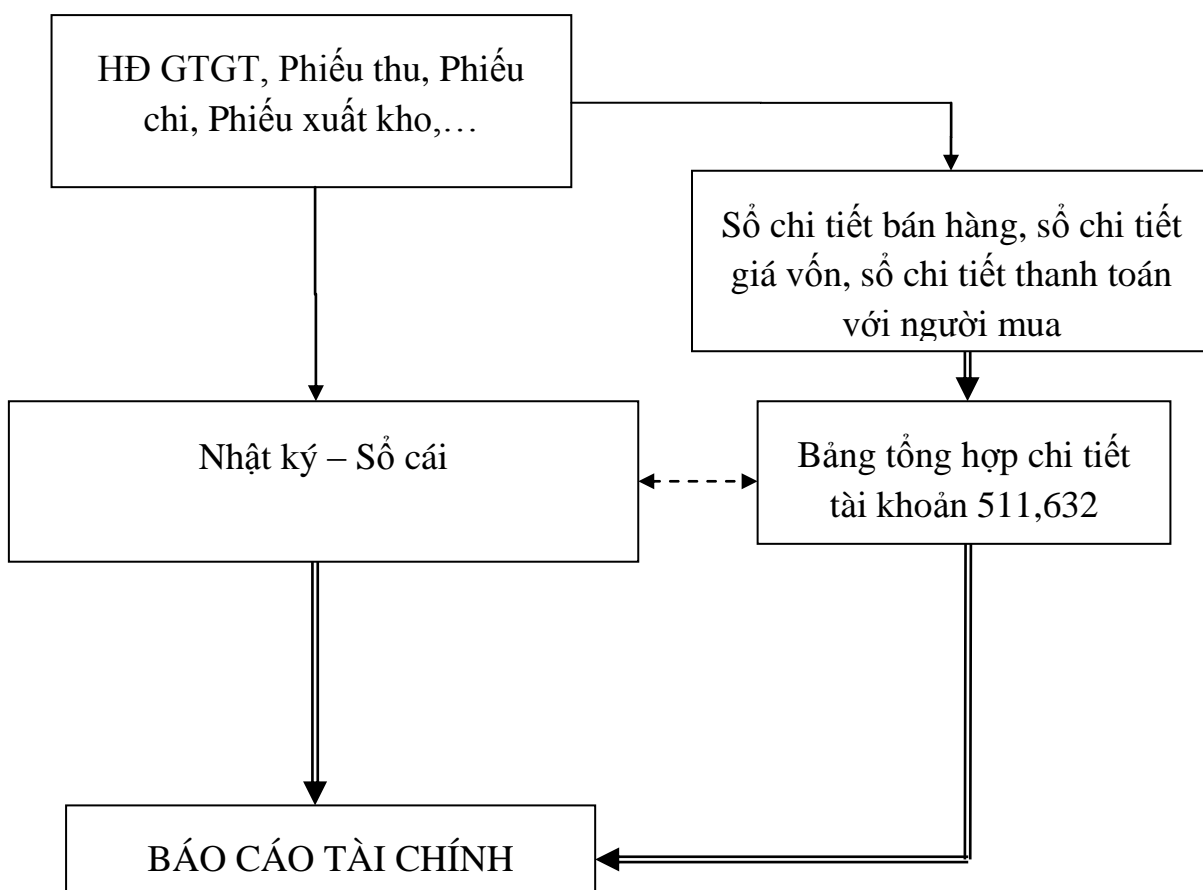
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

❖ **Hình thức Nhật ký – Sổ cái:** Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng sổ sau:

- + Sổ Nhật ký – Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Quy trình hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật kí – sổ cái được thể hiện qua sơ đồ 1.10

Sơ đồ 1.10. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật kí – sổ cái



Ghi chú:

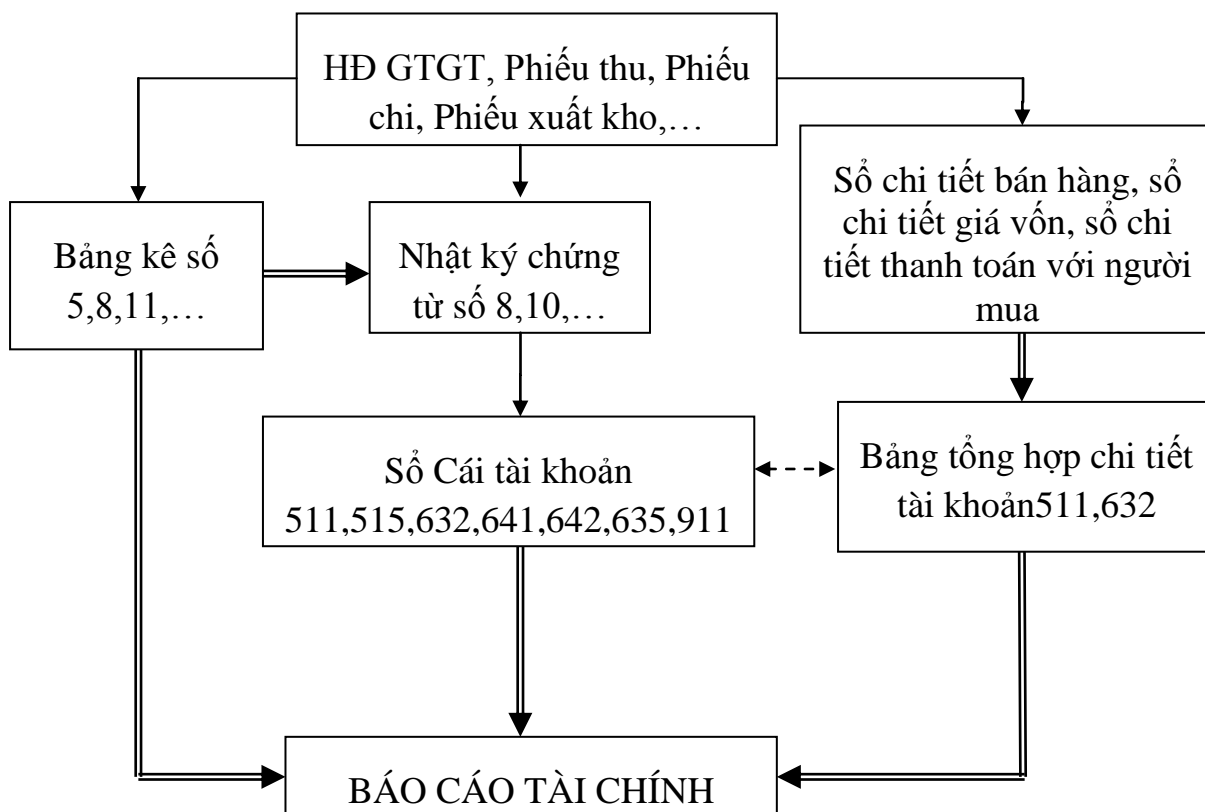
- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════════→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ⋯⋯⋯↔

❖ **Hình thức Nhật ký – Chứng từ:** Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ kế toán sau:

- + Nhật ký chứng từ
- + Bảng kê
- + Sổ cái
- + Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

Quy trình hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật kí – chứng từ được thể hiện qua sơ đồ 1.11

Sơ đồ 1.11. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật kí – chứng từ

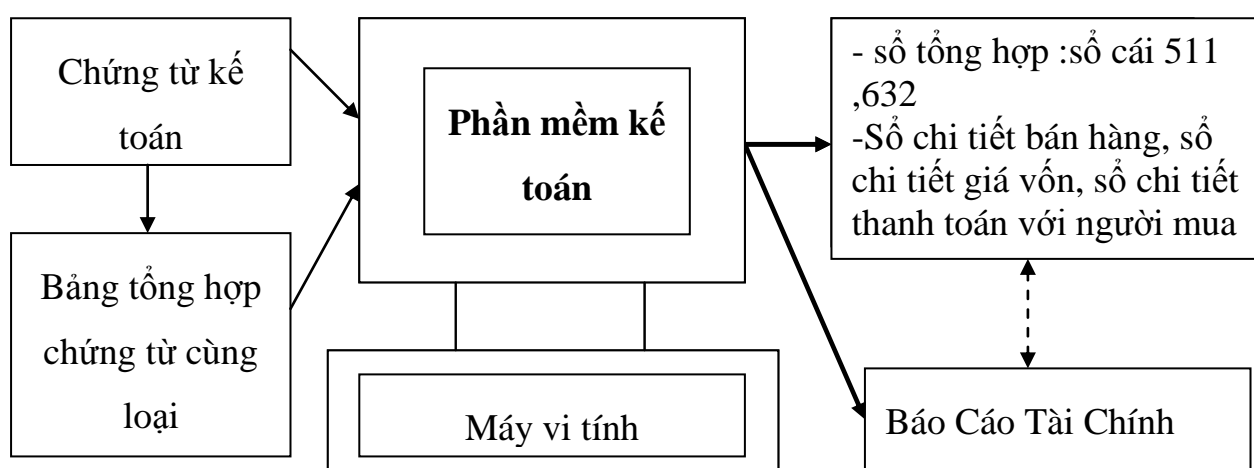


- Ghi chú:
- Ghi hàng ngày —————→
 - Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════════→
 - Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ⋯⋯⋯↔

❖ **Hình thức kế toán máy**

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.12. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Kế toán máy



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày —————→

In sổ, báo cáo cuối năm, cuối tháng —————→

Quan hệ đối chiếu ←-----→

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ

2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần Bao Bì Hải Hà

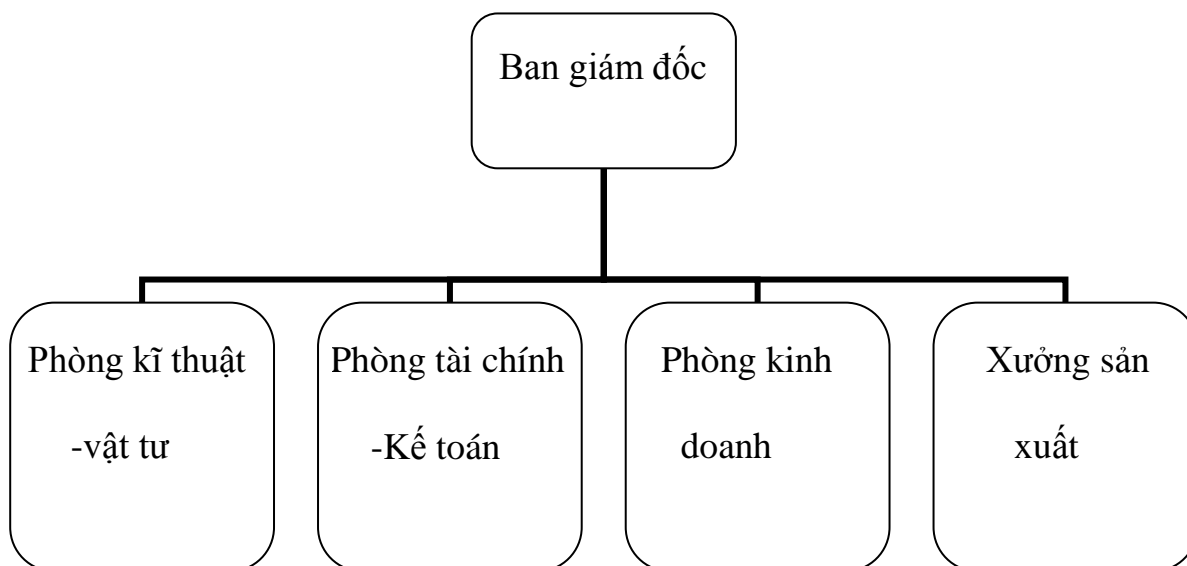
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà

- Tên công ty : Công ty Cổ Phần Bao Bì Hải Hà
- Tên tiếng nước ngoài : HAIHA PACKING JOINT STOCK COMPANY
- Địa chỉ trụ sở : Số 38 Đường Ngô Quyền , Phường Máy Chai, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
- Loại hình doanh nghiệp: công ty cổ phần
- Giấy phép thành lập công ty số: số 0203002397GP/TLDN Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp, đăng kí lần đầu ngày 27/6/2006 , đăng kí thay đổi lần 3 ngày 24/12/2011
- ❖ Các ngành nghề theo giấy phép kinh doanh:
 - ✓ Sản Xuất sản phẩm từ Plastic
 - ✓ Sản xuất bột giấy , giấy và bì
 - ✓ Sản xuất giấy nhãn , bì nhãn , bao bì từ giấy và bì
 - ✓ Chế biến túi bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
 - ✓ Hoạt động thiết kế chuyên dụng (tạo mẫu sản phẩm trên bao bì)
 - Là công ty chuyên về lĩnh vực sản xuất bao bì túi Nilon xuất khẩu có tiếng trên cả nước Công ty Cổ Phần Bao Bì Hải Hà hiện đang là đối tác chiến lược chuyên cung cấp túi cho hệ thống siêu thị BigC (từ Bắc vào Nam), hãng xe máy Honda, Yamaha, hãng oto Ford , các hãng chế biến lương thực ,thực phẩm, thủy hải sản , các nhà sách :Tiền Phong ,Ấu Lạc , các ngân hàng :MB Bank, Agribank ,Lienvietbank, VP Bank ,Vietinbank.... và nhiều công ty khác của Nhật Bản , Đức Mỹ , Châu Âu khác
 - Với thế mạnh về con người , hệ thống máy móc thiết bị hiện đại , công ty Cổ Phần Bao Bì Hải Hà đã và đang ngày càng phát triển với tỷ lệ tăng trưởng lên tới 150% so với năm trước.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ Phần Bao Bì Hải

Bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần Bao Bì Hải Hà được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng , thể hiện qua sơ đồ 2.1

Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần Bao Bì Hải Hà



Ban giám đốc: Chịu trách nhiệm trực tiếp về tình hình công ty, trực tiếp chỉ đạo các phòng ban về việc thực hiện các kế hoạch và chiến lược mà công ty đề ra.

Phòng kỹ thuật - vật tư: Có chức năng hoạch định chiến lược phát triển khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ khoa học mới, giám sát máy móc thiết bị đồng thời kiểm tra giám sát chất lượng nguyên vật liệu , sản phẩm, hàng hóa ,lập kế hoạch định mức nguyên vật liệu cho sản xuất.

Phòng tài chính- kế toán: Có nhiệm vụ theo dõi kiểm tra tình hình tài chính của công ty, tiếp nhận các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó lập báo cáo tổng hợp về tình hình vốn, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Phòng kinh doanh: Có chức năng trong việc xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động sản xuất thông qua việc xây dựng các phương án , chiến lược kinh doanh , soạn thảo hợp đồng kinh tế với khách hàng

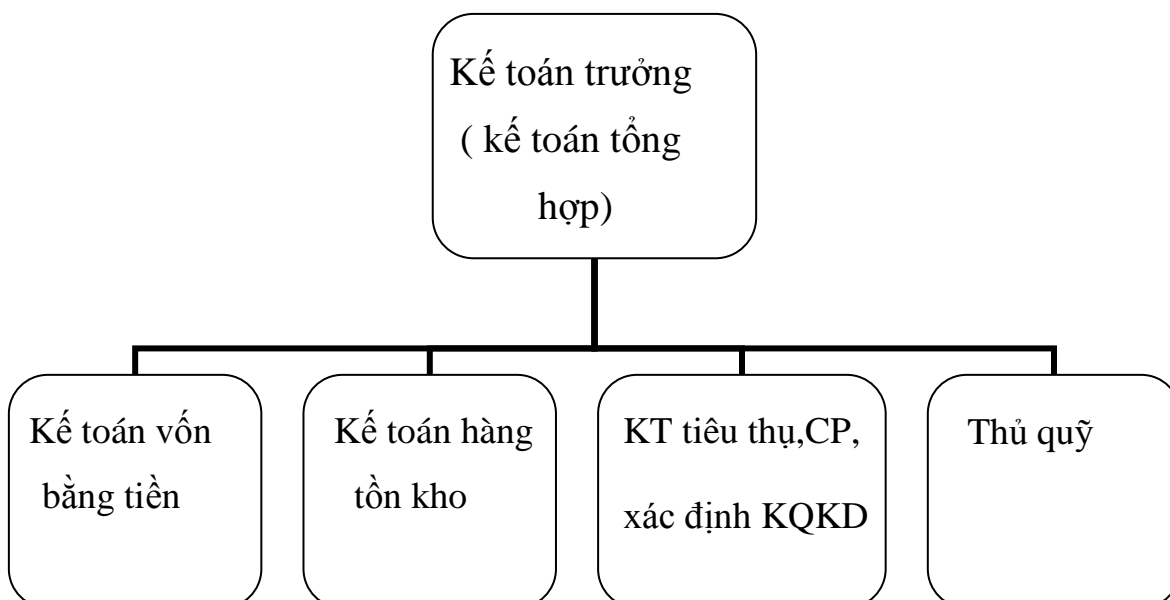
Xưởng sản xuất: Đứng đầu là quản đốc phân xưởng thực hiện việc sản xuất và đảm bảo chất lượng của sản phẩm

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty CP Bao Bì Hải Hà

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán:

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức quản lý, bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Bộ máy kế toán của Công ty có nhiệm vụ cập nhật, theo dõi, kiểm tra hạch toán toàn bộ những nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong Công ty bằng các nghiệp vụ kế toán tài chính, giúp cho lãnh đạo Công ty có cơ sở để phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ đó có quyết định đúng đắn trong hoạt động của Công ty nhằm đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất

Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Bao Bì Hải Hà



- Kế toán trưởng: là người đứng đầu phòng kế toán, có nhiệm vụ chỉ đạo công tác thực hiện kế toán ở Công ty, báo cáo số liệu cụ thể kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đồng tham mưu cho Giám đốc về tình hình tài chính của Công ty.

- Kế toán vốn bằng tiền : Phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu, chi và tình hình tăng giảm, thừa thiếu của từng loại vốn bằng tiền. Đồng thời hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ. Kiểm tra thường xuyên, đối chiếu số liệu của thủ quỹ với kế toán tiền mặt để đảm bảo tính cân đối thống nhất. Theo dõi và thanh toán các khoản thu, chi bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

- Kế toán hàng tồn kho: Có trách nhiệm quản lý, thống kê, theo dõi số lượng vật

tư nhập, xuất, tồn. Kiểm tra đối chiếu từng chủng loại vật tư, việc thực hiện mức tiêu hao nguyên vật liệu. Hàng tháng tiến hành ghi sổ các vật tư nhập và xuất.

- Kế toán doanh thu, chi phí, xác định và phân phối kết quả kinh doanh: Theo dõi, ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, thu nhập, giá vốn hàng bán, chi phí. Cuối mỗi quý, kết chuyển doanh thu, thu nhập, chi phí để xác định kết quả kinh doanh và phân phối kết quả kinh doanh theo chế độ của Công ty.
- Thủ quỹ: Phụ trách việc quản lý, bảo quản tiền mặt, thực hiện thu, chi các chứng từ thanh toán đã được phê duyệt, thu tiền hàng, tiền cước phí, trả lương cho cán bộ công nhân viên.

2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

- Chế độ kế toán công ty áp dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC
- Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam (VND)
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn.
- Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp kế toán TSCĐ: TSCĐ được ghi sổ theo giá gốc, giá trị hao mòn và giá trị còn lại. Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao xác định phù hợp theo thông tư số 203/2009/TT-BTC.

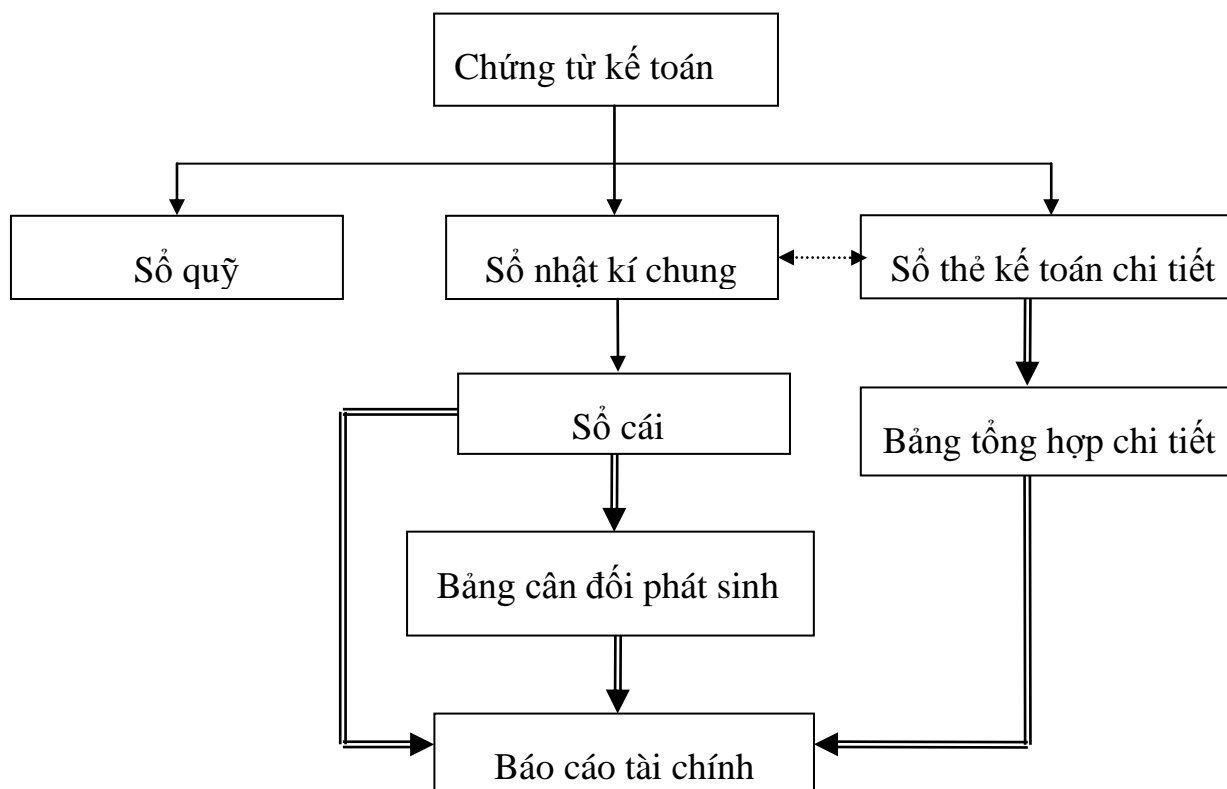
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và hệ thống tài khoản

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được mô tả qua sơ đồ sau

Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung



Ghi chú :

Ghi hàng ngày \Longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

- Hằng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản phù hợp.

- Hằng ngày, cũng căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính

2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính của công ty được lập theo mẫu quy định của Bộ tài chính. Cuối mỗi năm, kế toán tiến hành lập các Báo cáo tài chính bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Thuyết minh báo cáo tài chính
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần bao bì Hải Hà

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà

2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng của Công ty

➤ Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà là công ty chuyên sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ plastic . Doanh thu của công ty là doanh thu về bán các loại thành phẩm như : túi bọc màng , các loại túi đóng gói thực phẩm

➤ Các phương thức bán hàng của công ty :

Hiện nay công ty bán hàng theo phương pháp trực tiếp. Theo phương thức này công ty có thể bán buôn với số lượng lớn hoặc bán lẻ cho khách hàng chủ yếu là những cá nhân tổ chức có nhu cầu nhằm đáp ứng yêu cầu trực tiếp của họ

- Bán buôn là hình thức bán chủ yếu của công ty . Theo hình thức này công ty ký hợp đồng bán hàng với công ty khác, căn cứ vào hợp đồng công ty xuất hàng tại kho và viết HĐGTGT cho khách hàng.

- Hình thức bán lẻ cũng được thực hiện tại công ty

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng

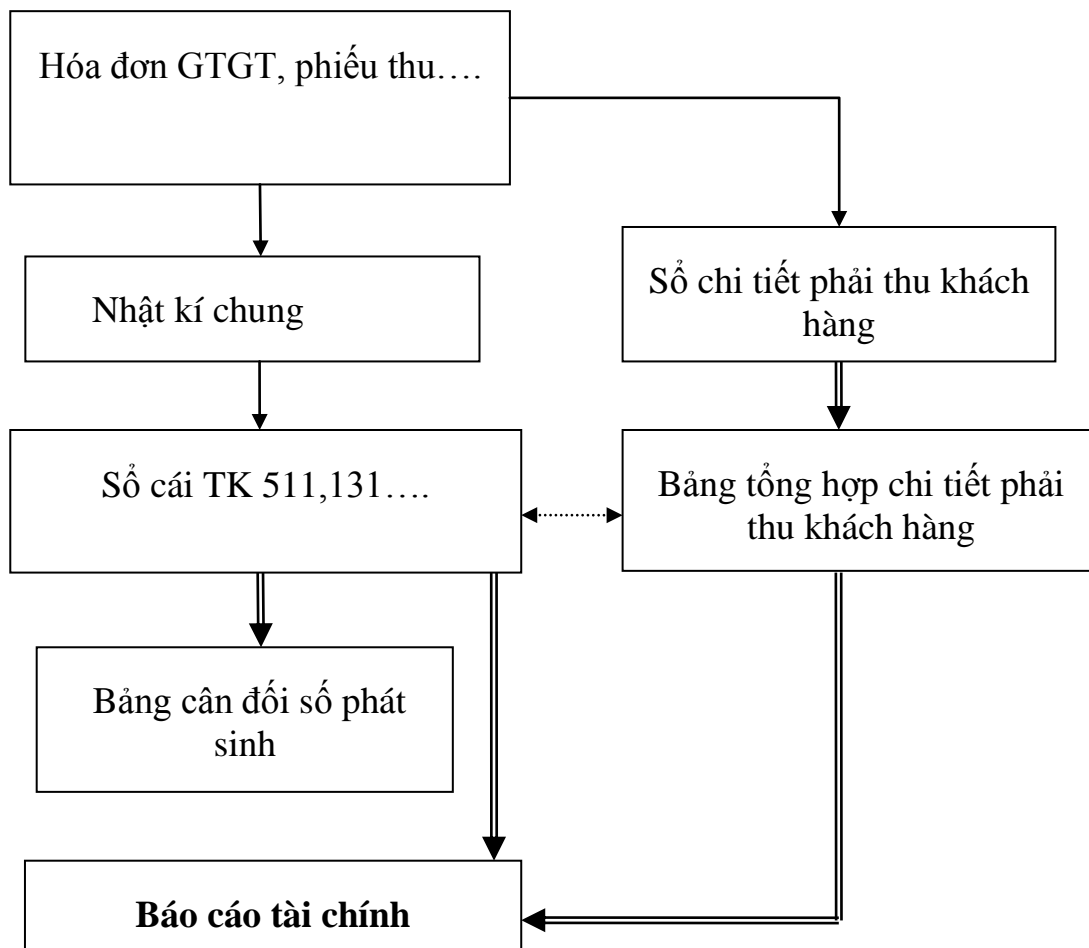
- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu thu, Phiếu chi
- + Giấy báo Nợ, Giấy báo Có của ngân hàng
- + Các chứng từ khác có liên quan

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

- + Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- + Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112, 131...

2.2.1.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.4 . Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kì ==>
- Quan hệ kiểm tra, đối chiếu <-.->

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Hóa đơn GTGT, Phiếu thu,... kế toán ghi chép các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bán hàng vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung vào Sổ cái Tài khoản 511 và các Tài khoản liên quan. Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái được dùng để lập Bảng cân đối số phát sinh

2.2.1.5. Ví dụ minh họa

❖ Ví dụ 2.1

Ngày 01/11/2012 xuất bán thành phẩm cho công ty cổ phần SPACE BUSINESS Huế, tổng trị giá lô hàng là 33.557.000 VNĐ (chưa bao gồm VAT10%). giá vốn 32.415.000đ.

➤ Kế toán định khoản :

a) Nợ TK131: 36.912.700	b) Nợ TK632: 32.415.000
Có TK511: 33.557.000	Có TK156: 32.415.000
Có TK3331: 3.355.700	

➤ Căn cứ vào HĐGTGT số 0000334 (Biểu 2.1) kế toán ghi bút toán phản ánh doanh thu của nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.3), từ đó ghi vào Sổ cái TK 511 (Biểu 2.4).


❖ Ví Dụ 2.2

Ngày 03/11/2012 xuất bán thành phẩm cho công ty TNHH EB Thanh Hóa, tổng trị giá lô hàng là 17.190.000 VNĐ (chưa có VAT 10%), giá vốn 16.248.000đ

➤ Kế toán định khoản

a) Nợ TK131: 18.909.000	b) Nợ TK632: 16.248.000
Có TK511: 17.190.000	Có TK156: 16.248.000
Có TK3331: 1.719.000	

➤ Căn cứ vào HĐGTGT số 0000342 (Biểu 2.2) kế toán ghi bút toán phản ánh doanh thu của nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.3), từ đó ghi vào Sổ cái TK 511 (Biểu 2.4).



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Ngày 1 tháng 11 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/12P

Số: **0000334**

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ**
 Mã số thuế: 0200677455
 Địa chỉ: Số 38 đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
 Điện thoại: 031.3758826 * Fax: 031.3654469
 Số tài khoản:

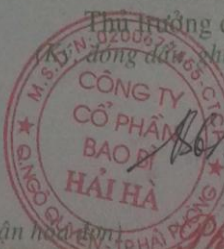
Họ tên người mua hàng:
 Tên đơn vị: Công ty Cổ phần ESPACE BUSINESS INC
 Mã số thuế: 3300854978
 Địa chỉ: Khu quy hoạch Bãi Lấp - Huyện Vĩnh Bảo - TP Hải Phòng
 Hình thức thanh toán: CX Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Bìa nhàn 2 laque 10x80	Kg	300	43.600	13.080.000
2	" 4 14x80	-	350	43.600	15.260.000
3	Bìa PP (17x35)	-	10	52.100	521.000
4	" (25x25)	-	10	52.100	521.000
5	" (20x40)	-	10	52.100	521.000
6	" (26x35)	-	10	52.100	521.000
7	" (17x22)	-	20	52.100	1.042.000
8	Quỳ gỗ 42x65	Bã	2.000	285	1.570.000
9	Bìa PP xếp đống 18x35	Kg	05	52.100	260.500
10	" 23x30	Kg	05	52.100	260.500
Cộng tiền hàng:					33.557.000
Thuế suất GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:			3.355.700
Tổng cộng tiền thanh toán					36.912.700
Số tiền viết bằng chữ: <u>ba mươi sáu triệu chín trăm mười hai nghìn bảy trăm lẻ một</u>					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)


Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)



GIAM ĐỐC
Phạm Thị Diệu

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hàng)

Biểu 2.1. Hóa đơn GTGT số 0000334



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Ngày 03 tháng 11 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/12P
Số: **0000342**

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ**
 Mã số thuế: 0200677455
 Địa chỉ: Số 38 đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
 Điện thoại: 031.3758826 * Fax: 031.3654469
 Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng:
 Tên đơn vị: Công ty TNHH FB TP. Hải Hà
 Mã số thuế: 2801693912
 Địa chỉ: X. Hùng Hải, TP. Thanh Hải, tỉnh Thanh Hải
 Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Bánh nhân 2 Baguette 10 x 80	kg	75	42.000	3.150.000
2	" 4 " 14 x 80	"	100	42.000	4.200.000
3	" 6 " 15 x 80	"	100	42.000	4.200.000
4	Bánh PP (17 x 35)	"	10	50.500	505.000
5	" (20 x 25)	"	10	50.500	505.000
6	Quẩy giòn 42 x 65	kg	2000	785	1.570.000
7	Bánh PP xếp đầy 23 x 30	kg	30	50.500	1.515.000
8	Bánh PP Socola nhân hạt 27 x 45	kg	30	51.500	1.545.000

Cộng tiền hàng: 17.190.000

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 1.719.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 18.909.000

Số tiền viết bằng chữ: **ĐÃ NHẬN HÀNG** (chữ viết tay)

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên): *[Chữ ký]*

Ngày 03/11/2012 (Ký, ghi rõ họ tên): **DIỆP THANH HOA**

Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên): *[Chữ ký]*

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ
QUẬN NGŨ QUYỀN, TP. HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC: *Phạm Thị Diệu*

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hàng đơn)

Biểu 2.2. Hóa đơn GTGT số 0000342

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ
 Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2012

Đơn vị tính VND

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Đồng	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
			Phát sinh quý 4					
							
01/11/12	PX811	01/11/12	Bán hàng cho công ty CP ESPACE Huế - Giá vốn			632 155	32.415.000	32.415.000
01/11/12	HĐ0000334	01/11/12	- Giá bán			131 511 3331	36.912.700	33.557.000 3.355.700
							
03/11/12	PX817	03/11/12	Bán hàng cho công ty TNHH EB Thanh Hóa - Giá vốn			632 155	16.248.000	16.248.000
03/11/12	HĐ0000342	03/11/12	- Giá bán			131 511 3331	18.909.000	17.190.000 1.719.000
							
15/11/12	PX831	15/12/12	Bán hàng cho cửa hàng túi xốp Thanh Bình - Giá vốn			632 155	10.860.000	10.860.000
15/11/12	HĐ0000401	15/12/12	- Giá bán			111 511 3331	12.540.000	11.400.000 1.140.000
							
			Cộng phát sinh cả năm				22.143.747.310	22.143.747.310

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.3. Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ
 Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
 Năm 2012
 Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng
 Số hiệu : 511

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh quý 4					
							
01/11/12	HĐ0000334	01/12/12	Bán hàng cho công ty CP ESCAPE Huế			131		33.557.000
01/11/12	HĐ0000335	01/11/12	Bán hàng cho công ty cổ phần dược phẩm OPM			112		17.060.900
01/11/12	HĐ0000336	01/11/12	Bán hàng cho công ty TNHH TP mỹ Hàn Quốc			131		42.500.600
...					
03/11/12	HĐ0000342	14/12/12	Bán hàng cho công ty TNHH EB Thanh Hóa			131		17.190.000
							
31/12/12	PKT82	31/12/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng quý 4			911	4.882.511.796	
			Cộng phát sinh bán hàng quý 4				4.822.511.796	4.882.511.796

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.4. Sổ Cái TK511

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà

a. Nội dung giá vốn hàng bán tại Công ty

Giá vốn hàng bán tại Công ty là trị giá vốn của số thành phẩm xuất bán trong kì.

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho

c. Tài khoản sử dụng

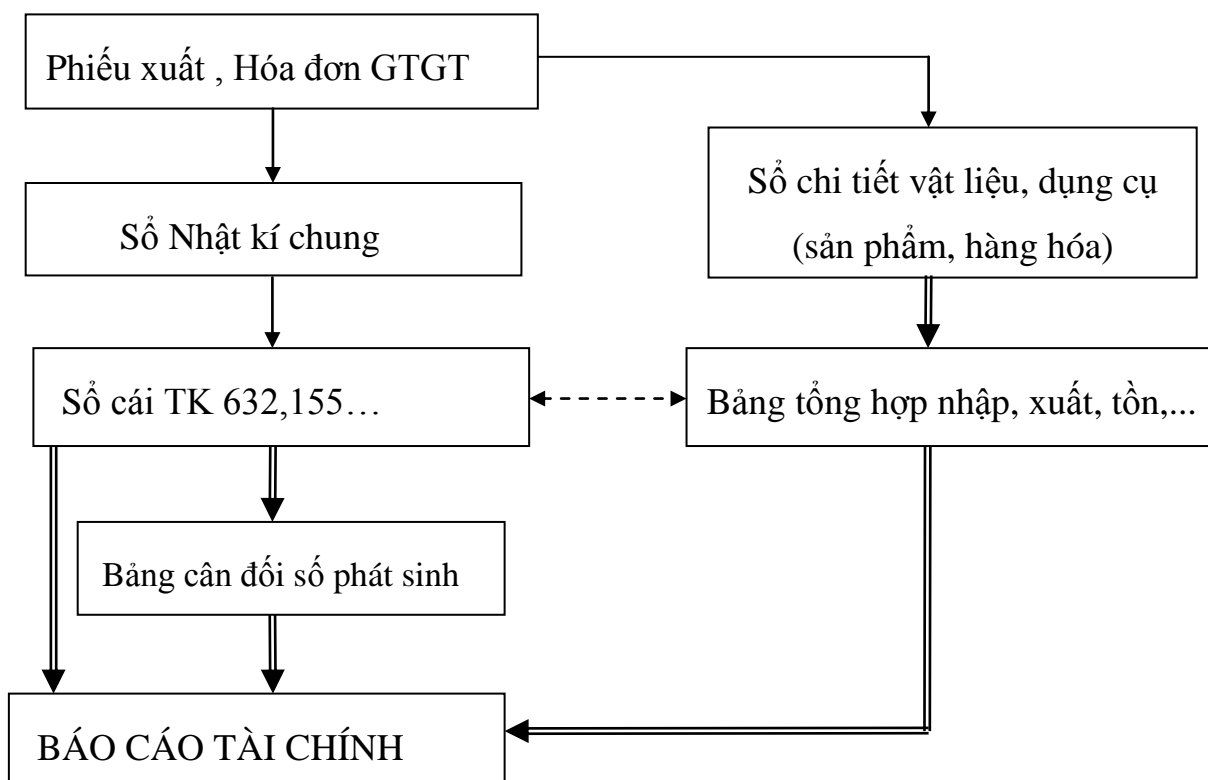
Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

d. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà được khái quát qua sơ đồ 2.5

Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần

Bao Bì Hải Hà



Hàng ngày, căn cứ vào Phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan, kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ bán hàng vào Sổ Nhật ký chung. Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi chép nghiệp vụ vào Sổ cái TK632, TK155, TK152,...

Đồng thời ghi vào sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa). Từ Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa), kế toán ghi chép vào Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.

Cuối tháng, kế toán đối chiếu số liệu trên Sổ cái TK155 với Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa. Số liệu trên Sổ cái TK632 và TK155 được dùng để lập Bảng cân đối số phát sinh.

e. Ví dụ minh họa

❖ Ví dụ 2.3 (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.1)

Ngày 01/11/2012 xuất bán thành phẩm cho công ty cổ phần ESPACE BUSINESS Huế ,tổng trị giá lô hàng là 33.557.000 VNĐ(chưa bao gồm VAT10%). giá vốn 32.415.000đ

➤ Kế toán định khoản :

a) Nợ TK131: 36.912.700	b) Nợ TK632: 32.415.000
Có TK511: 33.557.000	Có TK156: 32.415.000
Có TK3331: 3.355.700	

➤ Căn cứ vào Phiếu xuất kho 811(Biểu số 2.5) kế toán ghi bút toán phản ánh giá vốn của nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.7), từ đó ghi vào Sổ cái TK 632 (Biểu 2.8).

❖ Ví Dụ 2.4 (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.2)

Ngày 03/11/2012 xuất bán thành phẩm cho Công ty TNHH EB Thanh Hóa, tổng trị giá lô hàng là 17.190.000 VNĐ (chưa có VAT 10%), giá vốn 16.248.000đ

➤ Kế toán định khoản

a) Nợ TK131: 18.909.000	b) Nợ TK632: 16.248.000
Có TK511: 17.190.000	Có TK156: 16.248.000
Có TK3331: 1.719.000	

Căn cứ vào Phiếu xuất kho 817(Biểu số 2.6) kế toán ghi bút toán phản ánh doanh thu của nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.7), từ đó ghi vào Sổ cái TK 632 (Biểu 2.8).

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ
 Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2012

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
			Phát sinh quý 4					
							
01/11/12	PX811	01/11/12	Bán hàng cho công ty CP ESCAPE Huế - Giá vốn			632 155	32.415.000	32.415.000
01/11/12	HĐ0000334	01/11/12	- Giá bán			131 511 3331	36.912.700	33.557.000 3.355.700
							
03/11/12	PX817	03/11/12	Bán hàng cho công ty TNHH EB Thanh Hóa - Giá vốn			632 155	16.248.000	16.248.000
03/11/12	HĐ0001203	03/11/12	- Giá bán			131 511 3331	18.909.000	17.190.000 1.719.000
							
15/11/12	PX831	15/11/12	Bán hàng cho cửa hàng túi xốp Thanh Bình - Giá vốn			632 155	10.860.000	10.860.000
15/11/12	HĐ0000401	15/11/12	- Giá bán			111 511 3331	12.540.000	11.400.000 1.140.000
							
			Cộng phát sinh cả năm				22.143.747.310	22.143.747.310

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.7. Sổ Nhật kí chung

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ
 Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
 Năm 2012
 Tên tài khoản : Giá vốn bán hàng
 Số hiệu : 632

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh quý 4					
							
01/11/12	PX811	01/11/12	Bán hàng cho công ty CP ESCAPE Huế			155	32.415.000	
01/11/12	PX812	01/11/12	Bán hàng cho công ty Dược phẩm OPM			155	16.935.700	
01/11/12	PX813	01/11/12	Bán hàng cho công ty TNHH TP mỹ Hàn quốc			155	41.345.000	
							
03/11/12	PX817	03/11/12	Bán hàng cho công ty TNHH EB Thanh Hóa			155	16.248.000	
							
31/12/12	PKT83	31/12/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4			911		4.321.582.846
			Cộng số phát sinh quý 4				4.321.582.846	4.321.582.846

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.8. Sổ cái TK 632

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty Cổ Phần Bao Bì Hải Hà

2.2.3.1. Nội dung chi phí bán hàng , chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng tại Công ty CP Bao Bì Hải Hà bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, bao gồm chi phí quảng cáo, chi phí vận chuyển, chi phí bốc xếp, chi phí bằng tiền khác,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí về lương nhân viên bộ phận QLDN, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN , chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

2.2.3.2. Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu chi
- ✓ Ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao ...
- ✓ Hóa đơn GTGT

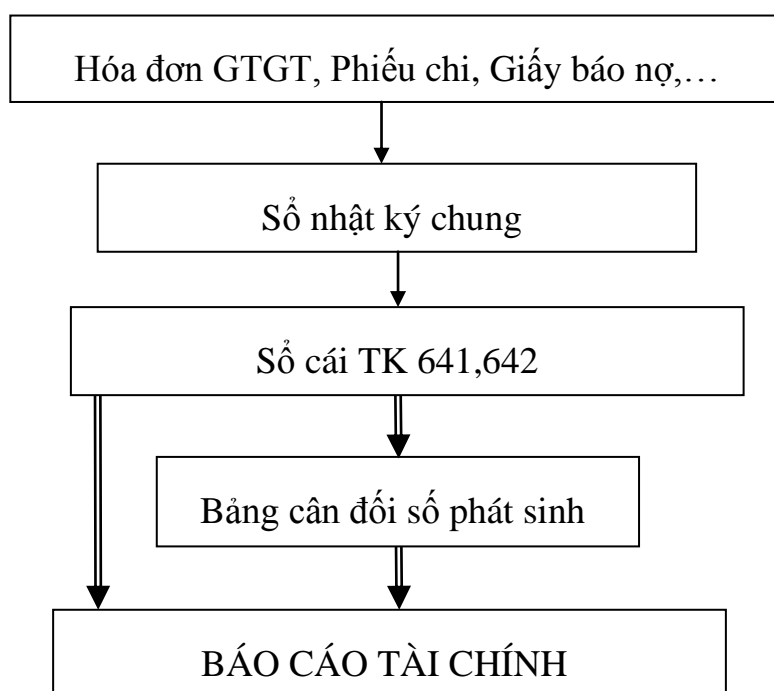
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 641 – chi phí bán hàng

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.3.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6. Quy trình hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty CP Bao Bì Hải Hà



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kì: \Longrightarrow

Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT ,Phiếu chi , Giấy báo nợ,..., kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến Chi phí bán hàng , chi phí quản lý doanh nghiệp vào Sổ Nhật ký chung.

Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK641, 642.Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái của tài khoản trên được dùng để lập Bảng cân đối số phát sinh.

2.2.3.5. Ví dụ minh họa

❖ Ví dụ 2.5

Ngày 20/10/2012 thanh toán tiền xăng xe cho Công ty Cổ phần xây lắp 1 số tiền là 827.750đ (bao gồm cả VAT 10%) theo hóa đơn số 0029552

➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 641 : 752.500

Nợ TK 133 : 75.250

Có TK 111: 827.750

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0029552 (Biểu số 2.9), kế toán lập Phiếu chi số 671 (Biểu 2.10),sau đó Kế toán ghi chép nghiệp vụ này vào Sổ Nhật kí chung (Biểu 2.13) và Sổ cái TK 641 (Biểu 2.14).

❖ Ví dụ 2.6 :

Ngày 26/11/2012, thanh toán tiền điện thoại cho Công ty Thông tin di động Mobifont bằng tiền mặt, tổng số tiền 123.964 đồng(bao gồm cả VAT 10%).kèm theo hóa đơn số 1192603


➤ Kế toán định khoản

Nợ TK 642: 112.695

Nợ TK 133: 11.269

Có TK 111: 123.964

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 1192603 (Biểu số 2.11), kế toán lập Phiếu chi số 773 (Biểu 2.12),sau đó Kế toán ghi chép nghiệp vụ này vào Sổ Nhật kí chung (Biểu 2.13) và Sổ cái TK 642 (Biểu 2.15)



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP 1 - PETROLIMEX
 CHI NHÁNH
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP 1 - PETROLIMEX TẠI HUNG YÊN
 Xã Việt Hòa - Huyện Khoái Châu - Tỉnh Hưng Yên

HÓA ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 20 tháng 10 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/003
 MAU SO: 01GTKT3/004
 Ký hiệu: XD/11P

Số hóa đơn: 0029552

Kho xuất:

MST: 0200677455

Hình thức thanh toán: TM

Người bán hàng: CHINH ANH
 Địa chỉ: Xã Trung Trác - Huyện Văn Lâm - Tỉnh Hưng Yên
 Mã số thuế: 0100108180-008
 Người mua hàng:

Địa chỉ: Xã Việt Hòa - Huyện Khoái Châu - Tỉnh Hưng Yên
 Mã số thuế: 0100108180-008
 Người mua hàng:

Địa chỉ:

(Liên 2: Giao người mua)

STT	Tên hàng hóa/ dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xăng RON 92	Lit	35	21 500,00	752.500
Cộng tiền hàng:					752.500
Tiền thuế GTGT: (10%)					75.250
Tiền phí xăng dầu (.....đ/l)					
Tổng tiền thanh toán:					827.750

Số tiền bằng chữ: Tám trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi đồng chẵn

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)


Tung

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chinh Anh

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Chỉ) ếm tra ết chỉ ầu khi lập, giao, nhận hóa đơn)



IN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VIÊN THƯƠNG VÀ HỘ BƯU ĐIỆN - MST: 01000667474 - Tel: 04 3827 1779

Biểu 2.9. Hóa đơn GTGT 0029552

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ

Mẫu số: 02- TT

Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận

(Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC

Ngô Quyền, Hải Phòng

Ngày 20/03//2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số:

Ngày 20 tháng 10 năm 2012

Số:671

Nợ: 641 ,133

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Chi Nhánh Công ty xây lắp 1- Petrolimex Hưng Yên

Địa chỉ: Văn Lâm – Hưng Yên

Lý do chi: thanh toán tiền mua xăng

Số tiền: 827.750 đ (viết bằng chữ) Tám trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng./.

Kèm theo:


Chứng từ gốc:.....

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): Tám trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng./.

Ngày 20 tháng 10 năm 2012


Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Đã ký tên, đóng dấu)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

Biểu 2.10. Phiếu chi 671



CÔNG TY THÔNG TIN DI ĐỘNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN DI ĐỘNG KHU VỰC V
 VIETNAM MOBILE TELECOM SERVICE CO. CENTER V
 Địa chỉ: Số 8 Lô 28A Lê Hồng Phong - Q. Ngô Quyền - Hải Phòng
 - Tel: 18001090 - Fax: 031.3558869

HÓA ĐƠN (GTGT)
BILL (VAT)
 Liên 2: Giao khách hàng



Mẫu số: 01GTKT2/001
 Seri: GB/11P
 Số : 1192603

MST: 01 00686209 084

Tên khách hàng (Sub name): Cty CP Bảo Bảo Hải Hà.

MST: 02 00677455

Địa chỉ (Address): 28/46 Lạch Tray - Lê Chân - HP

Số thuê bao (Sub No): 903202279

Mã khách hàng (Customer Code):

Cước từ ngày (Charging from): 20/10/2012 đến ngày (to): 20/11/2012

STT	Khoản (Item)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Price)	Số tiền (Amount)
	Cước dịch vụ thông tin di động (Mobile phone service charges)				112.695
Cộng tiền (1) (Total):					112.695
Thuế suất GTGT: 10% x (1) = Tiền thuế GTGT (2) (Value Added Tax):					11.269
Tổng cộng tiền thanh toán (3) = (1) + (2) (Group total):					123.964

Số tiền viết bằng chữ (Sum in words): Một trăm hai ba ngàn chín trăm sáu tư đồng

Ngày: 26 tháng 11 năm 2012

Người nộp tiền (Ký, ghi rõ họ tên):

Nhân viên giao dịch (Ký, ghi rõ họ tên): Ngô Thị Minh Nguyệt
 0934.329.379

Biểu 2.11. Hóa đơn GTGT số 1192603

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ

Mẫu số: 02- TT

Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận

(Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC

Ngô Quyền, Hải Phòng

Ngày 20/03//2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số:

Ngày 26 tháng 11 năm 2012

Số:773

Nợ: 642,133

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Công ty thông tin di động mobifone

Địa chỉ: 28/46 Lạch Tray, Lê Chân, HP

Lý do chi: thanh toán tiền điện thoại

Số tiền: 123.964 đ (viết bằng chữ) Một trăm hai mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi tư đồng./.

Kèm theo:

Chứng từ gốc:.....

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): Một trăm hai mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi tư đồng./.

Ngày 26 tháng 11 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Thủ quỹ

Người nhận tiền

(Đã ký tên, đóng dấu)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Biểu 2.12. Phiếu chi 773

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ
 Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2012

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/tr	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
			Phát sinh quý 4					
							
20/10/12	PC671	20/10/12	Thanh toán tiền xăng cho cty CP xây lắp 1			641 133 111	752.500 75.250	827.750
							
25/11/12	PC772	25/11/12	Mua màn hình máy tính LG LED cho phòng kế toán			642 133 111	1.999.000 199.900	2.198.900
26/11/12	PC773	26/11/12	Thanh toán tiền điện thoại			642 133 111	112.695 11.269	123.964
							
31/12/12	BLPBT12	31/12/12	Tính tiền lương cho bộ phận bán hàng và QLDN			641 642 334	11.917.980 46.502.816	58.420.796
							
			Cộng phát sinh cả năm				22.143.747.310	22.143.747.310

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.13. Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ
 Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
 Năm 2012
 Tên tài khoản : Chi Phí bán hàng
 Số hiệu : 641

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/r	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh quý 4					
							
19/10/12	PC670	19/10/12	Mua văn phòng phẩm cho phòng kinh doanh			111	385.000	
20/10/12	PC671	20/10/12	Thanh toán tiền xăng xe cho cty CP xây lắp 1			111	752.500	
26/10/12	PC678	26/10/12	Trả tiền cước chuyển hàng cho khách lẻ			111	120.000	
31/10/12	BPBTLT10	31/10/12	Tính tiền lương cho bộ phận bán hàng			334	11.917.980	
							
31/12/12	PKT83	31/12/12	Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4			911		53.416.405
			Cộng số phát sinh quý 4				53.416.405	53.416.405

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.14. Sổ cái TK 641

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ
 Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
 Năm 2012
 Tên tài khoản : Chi Phí quản lí doanh nghiệp
 Số hiệu : 642

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/r	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh quý 4					
							
25/11/12	PC772	25/11/12	Mua màn hình máy tính LG LED cho phòng kế toán			111	1.999.000	
26/11/12	PC773	26/11/12	Thanh toán tiền điện thoại cho mobifont			111	112.695	
28/22/12	PC774	28/11/12	Chi tiền tiếp khách (công ty bao bì Việt Anh)			111	2.000.000	
30/11/12	BPBTLT11	30/11/12	Tính tiền lương cho bộ phận QLDN			334	44.102.816	
							
31/12/12	PKT83	31/12/12	Kết chuyển chi phí quản lí doanh nghiệp quý 4			911		139.718.450
			Cộng số phát sinh quý 4				139.718.450	139.718.450

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.15. Sổ cái TK 642

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà

2.2.4.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà, doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng. Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay.

2.2.4.2. Chứng từ sử dụng

- ✓ Hóa đơn GTGT , phiếu thu , phiếu chi
- ✓ Giấy báo nợ, giấy báo có
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

2.2.4.3. Tài khoản sử dụng

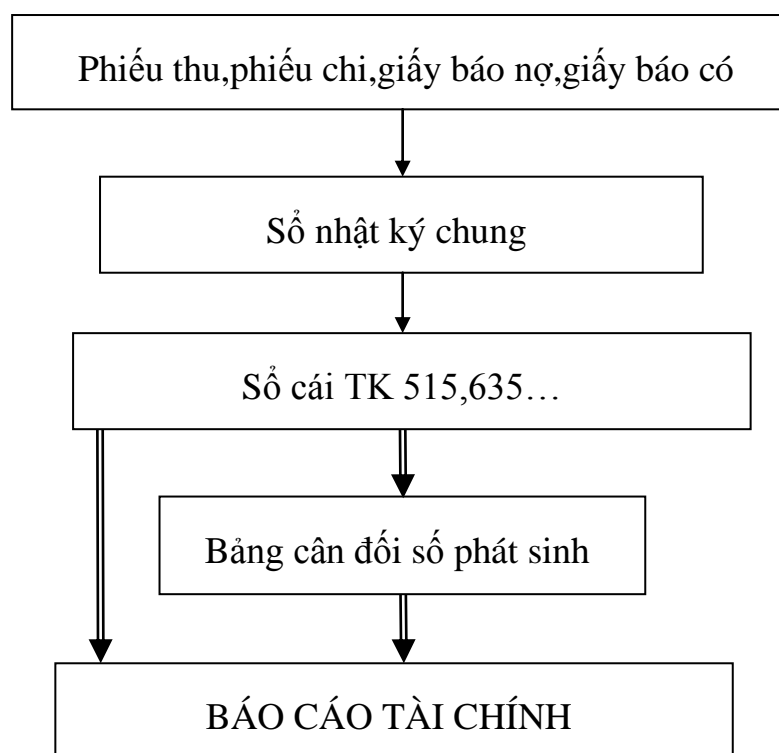
Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

2.2.4.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty CP Bao Bì Hải Hà được khái quát qua sơ đồ 2.7.

Sơ đồ 2.7. Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần thương mại Cường Thịnh



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kì: \Longrightarrow

Hàng ngày, căn cứ vào Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy báo Nợ, Giấy báo Có,...kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến Doanh thu hoạt động Tài chính và Chi phí Tài chính vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái của các tài khoản liên quan. Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái các tài khoản đó được phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh.

2.2.4.5. Ví dụ minh họa

❖ Ví dụ 2.7

Ngày 31/10/2012, ngân hàng Thương mại CP Hàng Hải Việt Nam trả lãi tiền gửi . Số tiền là 190.519VNĐ.

➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 112 : 190.519

Có TK 515 : 190.519

Căn cứ vào Sổ Phụ Tài Khoản ngày 31/10/2012 (Biểu 2.16), kế toán ghi chép nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.18), từ Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 515 (Biểu 2.19).

❖ Ví dụ 2.8


Ngày 22/10/2012 trả lãi vay ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam , số tiền là 3.037.417 VNĐ .

➤ Kế toán định khoản:

Nợ TK 635: 3.037.417

Có TK 112: 3.037.417

Căn cứ vào Giấy Báo Nợ ngày 22/10/2012 (Biểu 2.17), kế toán ghi chép nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.18), từ Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 635 (Biểu 2.20).

		SỔ PHỤ TÀI KHOẢN <i>Statement Of Account</i>		Ngày/Date: 31/10/2012 Số sổ/Book No: 173	
Đơn vị/Branch: CN Hà Nội MST/Tax Code: 0200124891-001		Ngày giao dịch trước/Last Transaction Date: 30/10/2012			
SỐ TÀI KHOẢN/ACCOUNT NO: 030-01-01-064763-5/VND/Tài khoản tiền gửi thanh toán TÊN TÀI KHOẢN/ACCOUNT NAME: 425050 - CT CP BAO BI HAI HA		KÝ HIỆU CHỨNG TỬ			
Kính gửi/To: CT CP BAO BI HAI HA Mã số thuế/Tax Code: 0200677455		Ngân hàng TMCP Hàng Hải xin trân trọng thông báo: Hôm nay tài khoản của Quý khách hàng phát sinh giao dịch như sau: Please be informed all transactions posted to your account as follows:			
SỐ TT/SEQ NO	DIỄN GIẢI/DESCRIPTION	GHI NỢ/DEBIT	GHI CÓ/CREDIT		
DD020802/43	REM TT TIEN HANG, NHH: NNNO HP	50,000,000	0		
DD020802/44	REM TT TIEN HANG, NHH: NNNO DONG DA, HN	13,612,000	0		
DD020802/45	REM TT TIEN HANG,	30,000,000	0		
FPTIBPS011/405	REM CT TUI THEO HD 251 NGAY 29/9/2012, NHAN TAI CN HA NOI	0	72,653,790		
DD020802/78	REM THU PHI CT DI, MON 50.000.000, 13.612.000, 30.000.000	71,500	0		
MG030112/8	GHI NO KHAC VAO TK KKH	970,455	0		
DD4400/12578	TRA LAI TK KKH	0	190,519		
Số dư đầu/Yesterday Balance:		234,713,147			
Lũy kế/Accrued:		Ngày/Daily:		94,653,955	72,844,309
		Tháng/Monthly:		0	1,440,710,926
		Năm/Yearly:		16,156,609,379	16,360,930,598
Số dư cuối/Statement Balance:		212,903,501			
NV thực hiện giao dịch/Teller: DD020802		CB kiểm soát giao dịch/Supervisor: MG020801			

Biểu 2.16. Sổ Phụ Tài Khoản

MARITIME BANK
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

GIẤY BÁO NỢ
ADVICE OF DEBIT

Liên 2 : Giao khách hàng
(For Customer)

Số/Seq No.:
Ngày/Date: 22/10/2012

Số tài khoản (Account No.):
Tên tài khoản (Account name):

Kính gửi (To):
Ngân hàng Hàng Hải xin trân trọng thông báo: Hôm nay tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi NỢ số tiền như sau:
Please note that we have today DEBITED your account with the following entries:

Diễn giải (Particulars)	Số tiền (Amount)
0200677455	
3,037,417.00 VND	
0.00 VND	
0.00 VND	
3,037,417.00 VND	

Mẫu ORMSB/2004/Ký hiệu: AN/20101

030 0078 00030021 MG030023 MG030023 030-82-01-008564-7 VND CT CP BAO BI HAI HA
22/10/2012 17:12:48 4251 4920 TRF 030-01-01-064763-5 VND CT CP BAO BI HAI HA
DR 3,037,417.00 VND 1.0000000 CR 3,037,417.00 VND 1.0000000
T_TOAN PHI/CHG COLL: 0.00 VND 1.0000000 1.0000000

Người lập (Prepared by):
Kiểm soát (Verified by):
Giám đốc (Approved by):

Biểu 2.17. Giấy Báo Nợ

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ
 Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2012

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/r	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
			Phát sinh quý 4					
							
22/10/12	GBN2210	22/10/12	Trả lãi vay ngân hàng TMCP Hàng Hải			635 112	3.037.417	3.037.417
							
31/10/12	SPTK3110	31/10/12	Ngân hàng Nam Việt trả lãi tiền gửi			112 515	101.357	101.357
31/10/12	SPTK3110	31/10/12	Ngân hàng TMCP Hàng Hải trả lãi tiền gửi			112 515	190.519	190.519
							
			Cộng phát sinh cả năm				22.143.747.310	22.143.747.310

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.18. Sổ Nhật kí chung

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2012

Tên tài khoản : Doanh thu tài chính

Số hiệu : 515

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh quý 4					
							
31/10/12	SPTK3110	31/10/12	Ngân Hàng Nam Việt trả lãi tiền gửi			112		101.357
31/10/12	SPTK3110	31/10/12	Ngân hàng TMCP Hàng Hải trả lãi tiền gửi			112		190.519
							
31/12/12	PKT82	31/12/12	Kết chuyển doanh thu tài chính quý 4			911	1.119.636	
			Cộng số phát sinh quý 4				1.119.636	1.119.636

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.19. Sổ cái TK 515

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2012

Tên tài khoản : Chi phí tài chính

Số hiệu : 635

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh quý 4					
							
22/10/12	GBN2210	22/10/12	Trả lãi vay ngân hàng TMCP Hàng Hải			112	3.037.417	
							
25/10/12	GBN2510	25/10/12	Trả lãi vay ngân hàng Quân đội			112	2.171.500	
							
31/12/12	PKT83	31/12/12	Kết chuyển chi phí tài chính quý 4			911		97.196.903
			Cộng số phát sinh quý 4				97.196.903	97.196.903

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.20. Sổ cái TK 635

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Tại công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà trong năm 2012 không phát sinh các khoản thu nhập khác và chi phí khác

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Bao Bì Hải Hà

2.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu kế toán

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

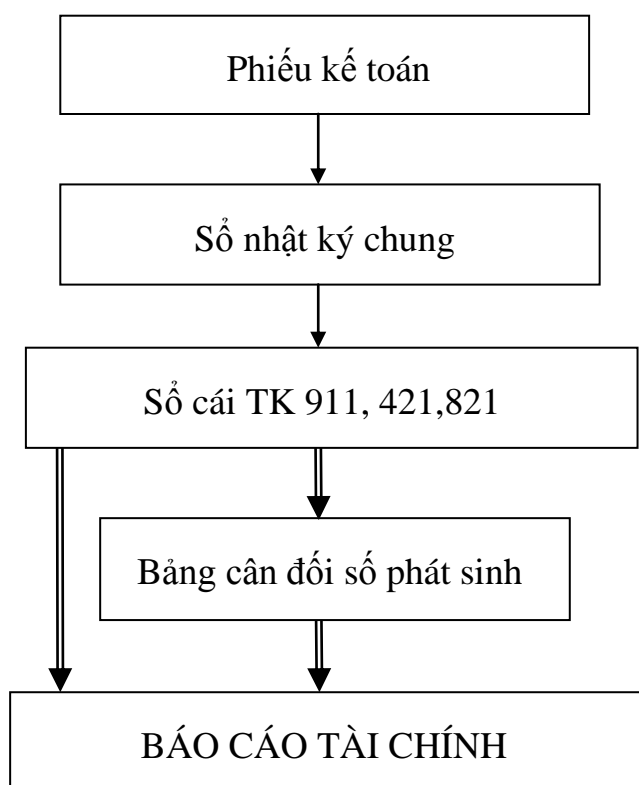
Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

2.2.6.3. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà được khái quát qua sơ đồ 2.8.

Sơ đồ 2.8. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà



Ghi chú : Ghi hàng ngày →

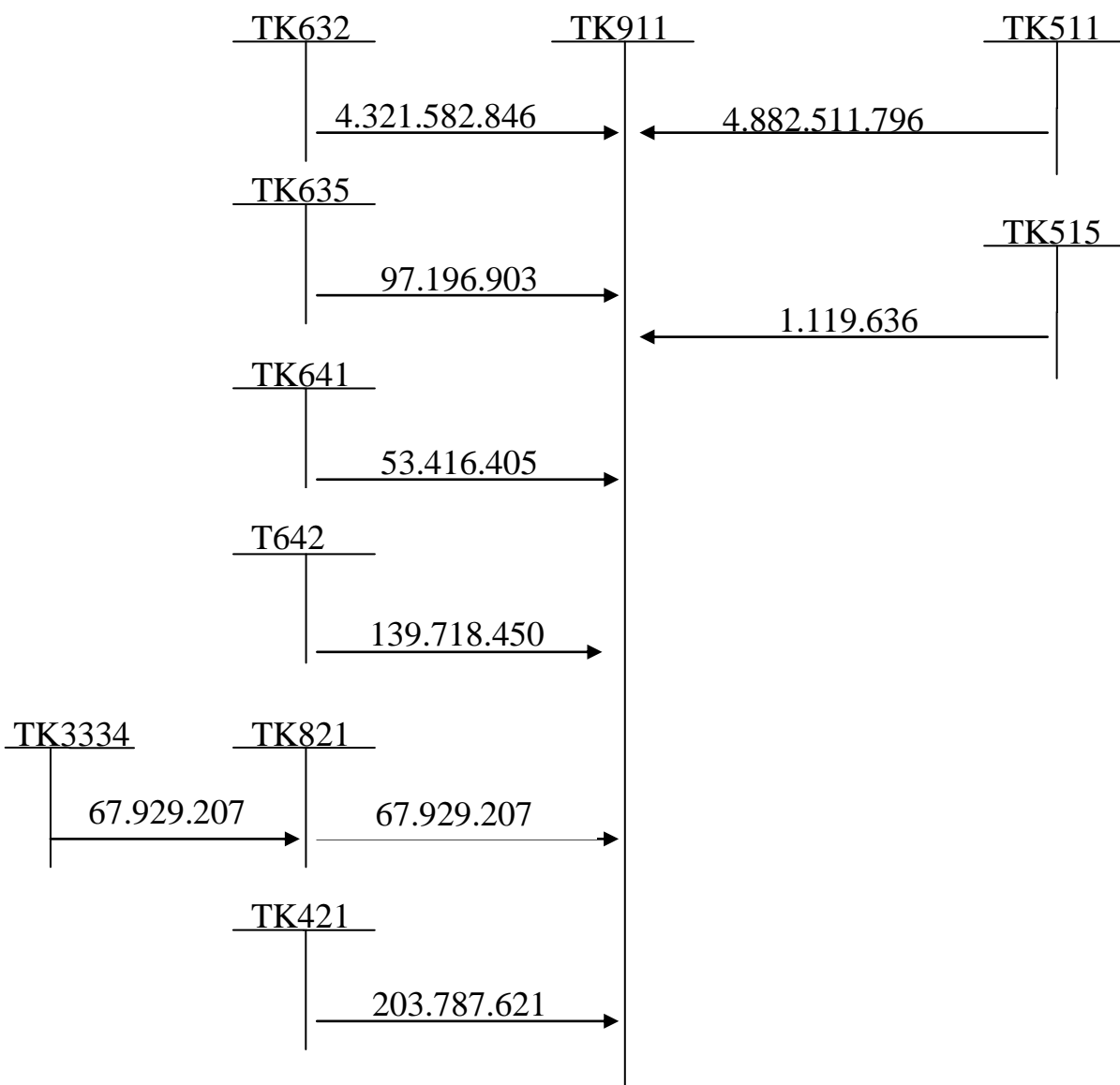
Ghi cuối tháng hoặc định kì ⇒

2.2.6.5. Ví dụ minh họa

❖ Ví dụ 2.9

Ngày 31/12/2012, Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh quý 4 năm 2012.

Sơ đồ 2.9. Sơ đồ các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí quý 4 tại công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà



Cuối quý, kế toán lập Phiếu kế toán số 82, 83, 84, 85, 86 (Biểu 2.21, 2.22, 2.23, 2.24, 2.25,). Căn cứ vào các Phiếu kế toán trên, kế toán ghi chép vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung ghi vào các Sổ cái của các tài khoản liên quan. Số liệu trên Sổ cái của các tài khoản trên được phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ

Máy Chai- Ngô Quyền- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 82

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu bán hàng quý 4	511	911	4.882.511.796	
Kết chuyển doanh thu tài chính quý 4	515	911	1.119.636	
Cộng			4.883.631.432	

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.21. Phiếu kế toán số 82

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ

Máy Chai- Ngô Quyền- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 83

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4	911	632	4.321.582.846	
Kết chuyển chi phí tài chính quý 4	911	635	97.196.903	
Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4	911	641	53.416.405	
Kết chuyển chi phí quản lí DN quý 4	911	642	139.718.450	
Cộng			4.611.914.604	

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.22. Phiếu kế toán số 83

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ

Máy Chai- Ngô Quyền- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 84

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định thuế TNDN quý 4	821	3334	67.929.207	
Cộng			67.929.207	

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.23. Phiếu kế toán số 84

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ

Máy Chai- Ngô Quyền- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 85

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 4	911	821	67.929.207	
Cộng			67.929.207	

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.24. Phiếu kế toán số 85

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ

Máy Chai- Ngô Quyền- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 86

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển lãi quý 4	911	421	203.787.621	
Cộng			203.787.621	

Kế toán

Người lập

trưởng

Biểu 2.25. Phiếu kế toán số 86

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2012

Đơn vị tính VNĐ

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT Dòng	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
							
			Phát sinh quý 4					
							
31/12/12	PKT82	31/12/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng quý 4 Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4			511 515 911	4.882.511.796 1.119.636	4.883.631.432
31/12/12	PKT83	31/12/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4 Kết chuyển chi phí tài chính quý 4 Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4 Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4			911 632 635 641 642	4.611.914.604	4.321.582.846 97.196.903 53.416.405 139.718.450
31/12/12	PKT84	31/12/12	Xác định thuế TNDN quý 4			821 3334	67.929.207	67.929.207
31/12/12	PKT85	31/12/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 4			911 821	67.929.207	67.929.207
31/12/12	PKT86	31/12/12	Kết chuyển lãi quý 4			911 421	203.787.621	203.787.621
			Cộng phát sinh cả năm				22.143.747.310	22.143.747.310

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.26. Sổ Nhật kí chung

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ
Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2012

Tên tài khoản : Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu : 911

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh quý 4					
31/12/12	PKT82	31/12/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng quý 4 Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4			511 515		4.882.511.796 1.199.636
31/12/12	PKT83	31/12/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4 Kết chuyển chi phí tài chính quý 4 Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4 Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4			632 635 641 642	4.321.582.846 97.196.903 53.416.405 139.718.450	
31/12/12	PKT85	31/12/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 4			821	67.929.207	
31/12/12	PKT86	31/12/12	Kết chuyển lãi quý 4			911	203.787.621	
			Cộng số phát sinh quý 4				4.883.631.432	4.883.631.432

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.27. Sổ cái TK 911

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ
Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2012

Tên tài khoản : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu : 821

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh quý 4					
31/12/12	PKT84	31/12/12	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4			3334	67.929.207	
31/12/12	PKT85	31/12/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập quý 4			911		67.929.207
			Cộng số phát sinh quý 4				67.929.207	67.929.207

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.28. Sổ cái TK 821

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ

Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2012

Tên tài khoản : Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu : 421

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu quý 4					467.840.750
			Phát sinh quý 4					
31/12/12	PKT84	31/12/12	Kết chuyển lãi quý 4			911		203.787.621
			Cộng số phát sinh quý 4					203.787.621
			Số dư cuối quý 4					671.628.371

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.29. Sổ cái TK 421

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ
 Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền, phường Máy Chai,
 quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số B02-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 4 Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	4.882.511.796	3.567.233
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		4.882.511.796	3.567.233.125
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	4.321.582.846	3.186.899.009
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		560.928.950	380.334.116
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.199.636	988.517
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	97.196.903	41.456.832
8. Chi phí bán hàng	24		53.416.405	24.776.805
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		139.718.450	101.658.204
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		271.716.828	213.430.792
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		271.716.828	213.430.792
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	67.929.207	53.357.698
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		203.787.621	160.073.094
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.30. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 4 năm 2012

CHƯƠNG 3. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà

3.1.1. Ưu điểm

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà, em đã hiểu biết thêm về thực tế tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp và có cơ hội đối chiếu thực tế với lý luận. Trong quá trình thực tập tại Công ty, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có những ưu điểm như sau:

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, Công ty đã lựa chọn bộ máy kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán này đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với Công ty, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ kế toán viên. Do đó công việc tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao hơn, việc tập hợp số liệu cũng diễn ra chính xác hơn.

Các thành viên trong phòng Kế toán – Tài chính đều có trình độ và năng lực cao, giàu kinh nghiệm, có trách nhiệm với công việc, nhiệt tình. Các thành viên đều được phân công công việc rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chuyên môn của mỗi người, tạo điều kiện chuyên môn hóa công việc và nâng cao trình độ kế toán viên.

❖ Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Về cơ bản, công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán theo đúng quy định của Bộ Tài chính. Tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà, mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều có đầy đủ các chứng từ liên quan, đảm bảo cho

công tác kế toán được thực hiện đúng đắn và việc kiểm tra, đối chiếu số liệu diễn ra dễ dàng, chính xác.

❖ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức kế toán khá đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán.

❖ Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty nhìn chung đã áp dụng đúng theo chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Về công tác kế toán doanh thu : Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được kế toán ghi nhận kịp thời, chính xác, đầy đủ. Từ đó, góp phần giúp cho kết quả kinh doanh được xác định một cách hợp lý, cung cấp thông tin một cách xác thực nhất cho ban lãnh đạo của công ty.

- Về công tác kế toán chi phí : Chi phí là một chỉ tiêu mà các nhà quản lý luôn luôn quan tâm và tìm mọi cách để giảm tối thiểu chi phí, nâng cao lợi nhuận. Mọi chi phí phát sinh trong kỳ đều được công ty quản lý một cách chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và cần thiết. Công ty tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này rất phù hợp với công ty có nhiều mặt hàng như Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà.

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh : Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty. Các kế toán, đặc biệt là kế toán trưởng rất có trách nhiệm với công việc, kết quả kinh doanh luôn được họ tính toán một cách chính xác theo đúng chế độ kế toán của Bộ Tài chính ban hành, qua đó phản ánh xác thực hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán tại công ty cũng khó tránh khỏi một số hạn chế như sau:

❖ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán

Khi hạch toán doanh thu Công ty mới chỉ lập Sổ Nhật ký chung và Sổ cái,

chưa lập Sổ Chi tiết bán hàng và Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Điều này gây khó khăn rất lớn cho việc theo dõi và xác định sản lượng, doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng, cũng như khó xác định được lợi nhuận gộp mà từng mặt hàng đem lại. Mặt khác các chi phí liên quan đến hoạt động quản lý, và hoạt động bán hàng kế toán chỉ theo dõi chung trên TK 642, 641 mà không mở chi tiết TK cấp 2 của TK 642, 641. Do đó, gây khó khăn trong việc theo dõi và kiểm soát các yếu tố chi phí.

❖ ***Về việc hiện đại hóa công tác kế toán***

Hiện nay công ty đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kê trên nhưng mới chỉ dừng lại xây dựng một số hàm số học trên chương trình Excel, Word. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán công ty phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay, khoa học công nghệ phát triển, hầu hết các doanh nghiệp đang phấn đấu công nghiệp hoá hiện đại hoá mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, áp dụng công nghệ máy tính vào tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất. Do vậy công ty có sử dụng máy tính nhưng không tận dụng được hết sẽ gây lãng phí, giảm hiệu quả của việc ứng dụng hiện đại hóa vào công tác kế toán..

❖ ***Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá***

Công ty chưa có chính sách thu hút khách hàng, thúc đẩy tiêu thụ hàng hoá như: Chiết khấu thương mại (phản ánh qua tài khoản 521), chiết khấu thanh toán. Bán hàng là nhiệm vụ hết sức quan trọng quyết định lớn đến việc thu được lợi nhuận về cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó vấn đề cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, quyết liệt, không đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu làm giảm hiệu quả của công tác tiêu thụ hàng hoá, giảm năng lực cạnh tranh trên thị trường.

❖ ***Về quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán***

Việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận, phòng ban về cơ bản là đúng trình tự. Tuy nhiên trong quá trình luân chuyển, giữa các đơn vị này không có biên bản giao nhận chứng từ, điều này sẽ gây khó khăn trong việc giải quyết và quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị mất, bị thất lạc

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà

3.2.1. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hoá, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hoá, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành hàng hoá, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy chính xác cao giúp cho nhà quản lý đúng và chính xác về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.2.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà

Trong cơ chế thị trường hiện nay, việc cạnh tranh gay gắt cũng như sự biến đổi liên tục của nền kinh tế dẫn đến kết quả tất yếu là các doanh nghiệp luôn phải có những chính sách hoạt động hợp lý, thích hợp, xác định đúng mục tiêu và phương hướng phát triển. Chỉ có như vậy các doanh nghiệp mới có cơ hội tồn tại. Muốn vậy các doanh nghiệp trước hết phải hoàn thiện không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý vì công cuộc đổi mới hiện nay.

Mặt khác kế toán không chỉ là công cụ mà còn góp phần tham gia việc quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc thiết lập chứng từ, ghi chép, tính toán, tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng những phương pháp khoa học. Ban quản lý công ty có thể nắm được những

thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành của tài sản, góp phần bảo vệ sử dụng hợp lý và sử dụng hiệu quả của đơn vị mình.

3.2.3. Nguyên tắc hoàn thiện

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, để đạt được hiệu quả trong việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà

3.2.4.1. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà

Để hoàn thiện hơn hệ thống sổ kế toán tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà, em nhận thấy công ty nên lập các Sổ chi tiết để thuận tiện cho việc theo dõi các

khoản chi phí, doanh thu, đồng thời cũng nắm được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm, qua đó Ban lãnh đạo công ty sẽ có các chính sách, chiến lược đúng đắn hơn.

➤ Đối với kế toán doanh thu: Công ty nên lập các “Sổ chi tiết bán hàng” chi tiết theo từng sản phẩm. Bên cạnh việc lập Sổ chi tiết bán hàng, Công ty cũng cần lập Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Cuối tháng, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp số liệu từ các Sổ chi tiết bán hàng vào Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Sau đó, kế toán sẽ đối chiếu số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng với Sổ cái Tài khoản 511, để kiểm tra xem số liệu có chính xác và logic không. Việc lập các Sổ này giúp cho công tác quản lý kế toán doanh thu được cụ thể và chặt chẽ hơn.

➤ Đối với kế toán chi phí : công ty nên mở sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho từng mặt hàng để biết được cụ thể giá vốn của từng mặt hàng, để từ đó tính được lợi nhuận gộp mà mỗi mặt hàng đem lại.

Đối với Tài khoản 641, 642 – “Chi phí bán hàng , chi phí quản lý doanh nghiệp”, Công ty nên mở Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh để theo dõi chi tiết từng yếu tố chi phí. Cụ thể như sau:

TK 641 – “Chi phí bán hàng” sẽ chia ra thành các tiểu khoản:

TK 6411 : Chi phí nhân viên

TK 6412 : Chi phí vật liệu, bao bì

TK 6413 : Chi phí dụng cụ, đồ dùng

TK 6414 : Chi phí khấu hao tài sản cố định

TK 6417 : Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418 : Chi phí bằng tiền khác

TK642– “Chi phí quản lý doanh nghiệp” sẽ chia ra thành các tiểu khoản:

TK 6421 : Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422 : Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423 : Chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424 : Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425 : Thuế, phí và lệ phí

TK 6426 : Chi phí dự phòng

TK 6427 : Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428 : Chi phí bằng tiền khác

Dưới đây là biểu mẫu sổ chi tiết bán hàng (**Biểu 3.1**), bảng tổng hợp chi tiết doanh thu (giá vốn) (**Biểu 3.2**) sổ chi phí sản xuất kinh doanh (**Biểu 3.3**) ban hành theo quyết định số 15/2006 /QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ
Số 38 – Máy Chai – Ngô Quyền –Hải Phòng

Mẫu số S35-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....

Năm:.....

Quyển số :.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521,531,532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này có trang đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ :

Người ghi sổ
(Ký họ tên)

Ngày tháng năm
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.1. Mẫu Sổ chi tiết bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ
Máy Chai – Ngô Quyền – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT DOANH THU (GIÁ VỐN)

Tháng Năm ...

STT	Tên hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ	Số dư đầu kì		Số phát sinh		Số dư cuối kì	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	Cộng						

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.2. Mẫu Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu (giá vốn)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ
Số 38 – Máy Chai – Ngô Quyền –Hải Phòng

Mẫu số S36-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

- Tài khoản:.....
- Tên phân xưởng:.....
- Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ Tài Khoản							
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra						
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8
			- Số dư đầu kỳ									
			- Số phát sinh trong kỳ									
			- Cộng số phát sinh trong kỳ									
			- Ghi có TK....									
			- Số dư cuối kỳ									

- Sổ này có trang đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ :

Người ghi sổ
(Ký họ tên)

Ngày tháng năm
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.3. Mẫu Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

❖ **Ví dụ 3.1** : (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá bán của ví dụ 2.1)

Ngày 01/11/2012 xuất bán thành phẩm cho công ty CP ESCAPE BUSINESS Huế, tổng trị giá lô hàng là 33.557.000 VNĐ(chưa bao gồm VAT10%), giá vốn 32.415.000đ.

➤ Kế toán định khoản :

a) Nợ TK131: 36.912.700

b) Nợ TK632: 32.415.000

Có TK511: 33.557.000

Có TK156: 32.415.000

Có TK3331: 3.355.700

Ngoài việc ghi chép vào các sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào các sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn cho từng mặt hàng.

Cụ thể : Kế toán căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0000334 để vào sổ chi tiết bán hàng (**Biểu 3.4**), căn cứ vào PX08 kế toán vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 632 (**Biểu 3.5**)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ
Số 38 – Máy Chai – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S35-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Túi bọc màng 2baguelte 10x80

Năm: 2012

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Phát sinh trong quý 4						
01/11/12	HD0000334	01/11/12	Bán hàng cho công ty CP ESPACE Huế	131	300	43.600	13.080.000		
								
			-Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

Người ghi sổ
(Ký họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.4. Sổ chi tiết bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ
Số 38 – Máy Chai – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S36-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản: 632

Tên sản phẩm, dịch vụ: Túi bọc màng 2baguele 10x80

Năm 2012

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ Tài Khoản 632		
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Số lượng	Đơn giá
			Phát sinh quý 4				
						
01/11/12	PX811	01/11/12	Giá vốn bán hàng cho công ty CP ESPACE Huế	155	12.600.000	300	42.000
						
			Cộng số phát sinh quý 4				
			Ghi có Tài Khoản 632	911			

Người ghi sổ
(Ký họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.5. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

❖ **Ví dụ 3.2 :** (minh họa tiếp về chi phí quản lý doanh nghiệp của ví dụ 2.6)
Ngày 26/11/2012, thanh toán tiền điện thoại cho Công ty Thông tin di động Mobifon bằng tiền mặt, tổng số tiền 123.964 đồng (bao gồm cả VAT 10%). kèm theo hóa đơn số 1192603

➤ Kế toán định khoản

Nợ TK 642: 112.695

Nợ TK 133: 11.269

Có TK 111: 123.964

Ngoài việc ghi chép vào các sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK642 (**Biểu 3.6**), để theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh cho chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ
Số 38 – Máy Chai – Ngô Quyền –Hải Phòng

Mẫu số S36-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản: 642

Năm 2012

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Ghi Nợ Tài Khoản 642						
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra					
						TK6421	TK6422	TK6423	Tk 6424	Tk6427	TK6428
			Phát sinh quý 4								
										
26/11/12	PC773	26/11/12	Thanh toán tiền điện thoại	111	112.695					112.695	
										

Người ghi sổ
(Ký họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.6. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

3.2.4.2. Hoàn thiện quá trình luân chuyển chứng từ

Quá trình luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban của công ty còn chậm trễ, các chứng từ được dồn lại và được chuyển đến phòng kế toán vào cùng thời điểm, điều này gây ra nhiều ứ đọng, làm tăng khối lượng công việc cho kế toán tại phòng kế toán công ty, khi hạch toán dễ nhầm lẫn, sai sót. Vì vậy, công ty nên có những quy định hợp lý về thời gian luân chuyển chứng từ để việc thực hiện hạch toán được nhanh chóng, kịp thời và chính xác.

Ngoài ra công ty có thể sử dụng mẫu biên bản giao nhận chứng từ sau, để giải quyết việc quy trách nhiệm cho cá nhân, trong trường hợp bị mất chứng từ trong quá trình luân chuyển.

Mẫu sổ giao nhận chứng từ

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HẢI HÀ

Máy Chai – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày đến ngày....

Ngày tháng giao nhận	Số hiệu chứng từ	Ngày tháng chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Kí tên	
				Bên giao	Bên nhận
1	2	3	5	6	7

3.2.4.3. Hiện đại hóa công tác kế toán tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà

Các phần mềm kế toán luôn là công cụ hiệu quả nhất để kiểm soát và duy trì hoạt động cho “bộ não tài chính” của công ty, bởi chúng được sử dụng để phục vụ các nhu cầu quản lý kế toán như báo cáo công nợ khách hàng chi tiết và chính xác, báo cáo số lượng hàng hóa nhập - xuất - tồn kho, liệt kê danh sách khách hàng và các mối quan hệ với công ty...

Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần đưa số liệu vào và thao tác in ra. Chương trình kế toán có độ chính xác cao và hiếm khi thấy ra lỗi. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có những hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán có thể sử dụng một cách dễ dàng...

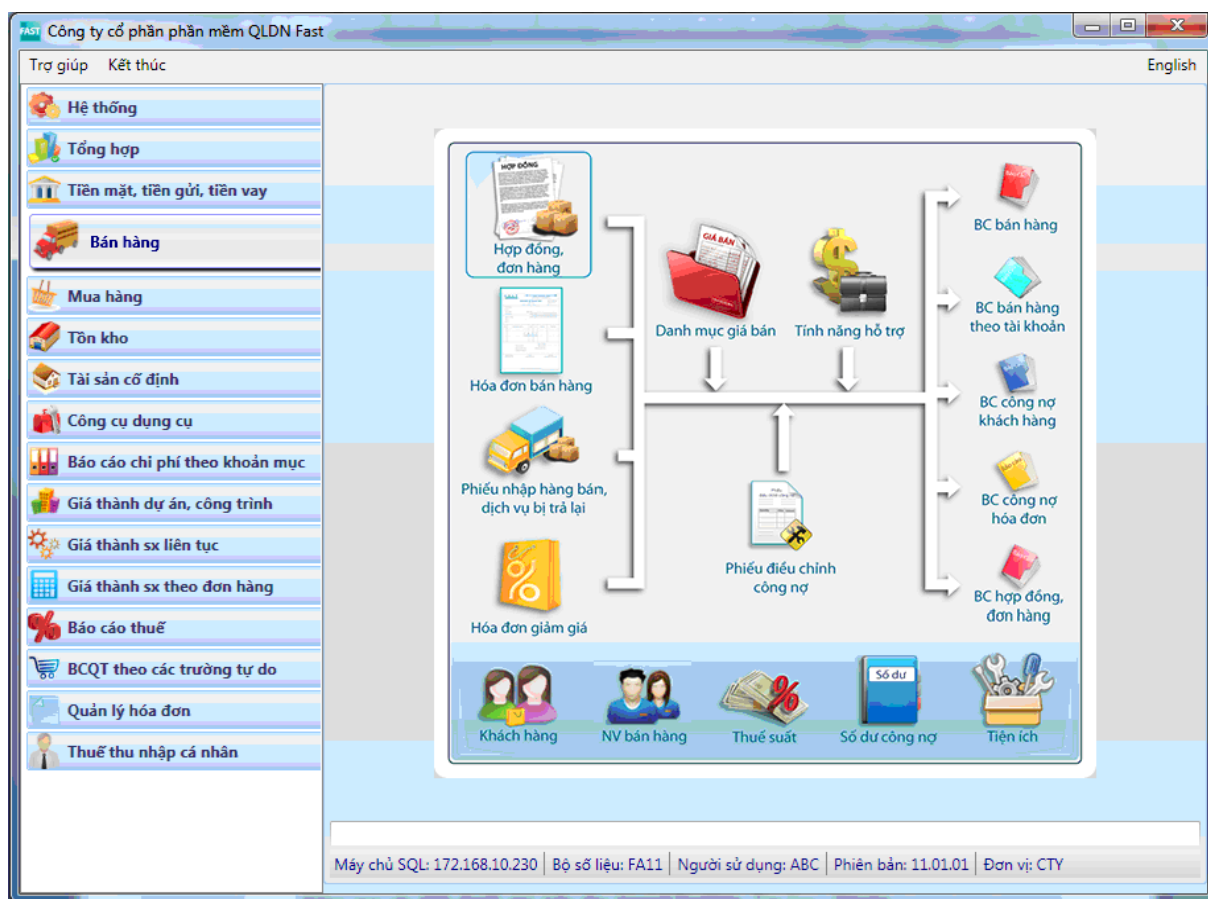
Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán. Em xin giới thiệu một số phần mềm phổ biến hiện nay, công ty có thể lựa chọn phần mềm phù hợp với công ty mình như phần mềm kế toán máy Fast accounting, Misa, phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.8...

+ **Phần mềm kế toán Fast accounting**: là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ..

Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 7.300 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

Fast Accounting gồm có các phân hệ: Hệ thống, Kế toán tổng hợp, Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán bán hàng và công nợ phải thu, Kế toán mua hàng và công nợ phải trả, Kế toán hàng tồn kho, Quản lý TSCĐ, Quản lý CCLĐ, Báo cáo chi phí theo khoản mục, Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất liên tục, Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn hàng, Kế toán giá thành công trình xây dựng, Báo cáo thuế, Báo cáo quản trị theo trường người sử dụng tự định nghĩa, Báo cáo quản trị theo thời gian, Báo cáo quản trị theo đơn vị cấp dưới, Thuế TNCN.

Giao diện phần mềm kế toán Fast accounting



Tính năng của phần mềm kế toán Fast accounting :

Quản lý số liệu đa tiền tệ. Fast Accounting cho phép quản lý đa tiền tệ. Mọi giao dịch đều có thể nhập và lưu theo đồng tiền giao dịch và được quy đổi về đồng tiền hạch toán. Cho phép người sử dụng lựa chọn cách tính tỷ giá ghi sổ theo phương pháp nhập trước xuất trước, trung bình tháng, trung bình di động, đích danh hoặc tỷ giá giao dịch. Khi thanh toán chương trình tự động tạo bút toán chênh lệch tỷ giá so với tỷ giá ban đầu khi xuất hóa đơn hoặc cho phép quy đổi về đồng tiền theo dõi công nợ trong trường hợp thanh toán bằng đồng tiền hạch toán (VNĐ). Cuối kỳ chương trình có các chức năng tính chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của từng tài khoản và của từng khách hàng/nhà cung cấp. Các báo cáo có thể được in ra theo đồng tiền hạch toán hoặc theo nguyên tệ và đồng tiền hạch toán. Chương trình cũng cho phép tùy chọn loại tỉ giá áp dụng là tỉ giá thuận (nhân) hoặc tỉ giá đảo (chia), thuận tiện trong một số trường hợp sử dụng đồng tiền hạch toán khác với đồng Việt Nam Đồng.

Quản lý số liệu của nhiều đơn vị. Fast Accounting cho phép quản lý số liệu của nhiều đơn vị/bộ phận; cho phép lên báo cáo của từng đơn vị/bộ phận hoặc

của toàn (tổng) công ty. Số liệu có thể được nhập ở nhiều nơi và chuyển về công ty mẹ.

Kết xuất báo cáo ra EXCEL hoặc tệp định dạng XML. Fast Accounting cho phép kết xuất báo cáo ra tệp theo đúng mẫu báo cáo.

Tính mềm dẻo. Fast Accounting cho phép nhiều lựa chọn khác nhau nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù của từng doanh nghiệp: lựa chọn hình thức ghi chép sổ sách kế toán, lựa chọn phương pháp kiểm kê hàng tồn kho (theo kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ), lựa chọn cách tính giá hàng tồn kho và tính tỷ giá ghi sổ (giá tung bình tháng, giá trung bình di động, giá đích danh, giá nhập trước xuất trước, giá giao dịch), có các trường thông tin tự do để người dùng tự định nghĩa sử dụng để quản lý theo các yêu cầu đặc thù...

Khả năng bảo mật. Fast Accounting cho phép bảo mật bằng mật khẩu và phân quyền truy nhập chi tiết đến từng chức năng và công việc (đọc/sửa/xóa/tạo mới) trong chương trình cho từng người sử dụng. Chương trình có khả năng khóa số chi tiết đến từng loại chứng từ, theo dõi nhật ký người sử dụng.

Giao diện và báo cáo theo 2 ngôn ngữ Việt và Anh. Fast Accounting có giao diện và các báo cáo bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh và cho phép tùy chọn theo từng người sử dụng.

Môi trường làm việc. Fast Accounting có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ

+ ***Phần mềm kế toán Misa MISA SME.NET 2012*** : được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán quản lý mọi hoạt động kinh tế phát sinh của mình. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.
Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET.2012



Một số điểm nổi bật của phần mềm kế toán MISA :

In hóa đơn theo nghị định 51: Hỗ trợ doanh nghiệp tự tạo mẫu, phát hành, in và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP. Đáp ứng 3 hình thức hóa đơn: Hóa đơn tự in, Hóa đơn đặt in, Hóa đơn điện tử. Quản lý số hóa đơn hủy, mất, cháy, hỏng, xóa bỏ và tự động lập Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn.

Phân hệ quỹ : Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền mặt, ngoại tệ... của doanh nghiệp. Cho phép xem số tồn quỹ tại bất kỳ thời điểm nào.

Phân hệ ngân hàng : Lập và in các chứng từ như Séc, Ủy nhiệm chi... Kết nối trực tuyến với ngân hàng qua Internet để lấy sổ phụ và thanh toán

Phân hệ mua hàng : Đáp ứng nghiệp vụ mua hàng không qua kho, hàng mua trả lại, mua hàng nhập khẩu... Tự động phân bổ chi phí mua hàng, theo dõi công nợ chi tiết đến từng hóa đơn mua hàng.

Phân hệ bán hàng : Đáp ứng tất cả các nghiệp vụ bán hàng như hàng bán trả lại, giảm giá hàng bán... Tự động tính lãi nợ cho những khoản nợ quá hạn, in thông báo công nợ đến từng khách hàng.

Phân hệ kho: Hỗ trợ tất cả các phương pháp tính giá xuất kho như Nhập

trước xuất trước, Giá đích danh, Bình quân cuối kỳ và Bình quân tức thời. Quản lý nhập, xuất, tồn vật tư, hàng hóa theo mã quy cách như: số IMEI, số Serial Number, số khung, số máy, số SIM... Quản lý Công cụ dụng cụ hiệu quả: ghi tăng, điều chuyển, điều chỉnh, phân bổ, ghi giảm Công cụ dụng cụ.

Phân hệ tài sản cố định : Tự động tính khấu hao chi tiết đến từng TSCĐ. Tự động phân bổ chi phí khấu hao cho từng bộ phận, phòng ban, đối tượng tập hợp chi phí. Phản ánh chính xác tình hình tăng, giảm, đánh giá lại tài sản.

Phân hệ tiền lương : Chấm công và tính lương theo nhiều phương pháp: Lương thời gian, Lương cơ bản cố định. Tự động lập báo cáo theo dõi thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm và các khoản phải trích nộp của nhân viên. Theo dõi tạm ứng và thanh toán lương chi tiết theo từng nhân viên. Hỗ trợ nhiều hình thức trả lương: 1 kỳ/tháng hoặc 2 kỳ/tháng.

Phân hệ giá thành : Tự động lập bảng kê thuế đầu vào, đầu ra, tờ khai thuế Tiêu thụ đặc biệt, thuế Giá trị gia tăng. In báo cáo có mã vạch theo tiêu chuẩn của Tổng cục thuế. Cho phép tích hợp chữ ký số, nộp hồ sơ khai thuế qua mạng

Phân hệ thuế : Tự động lập bảng kê thuế đầu vào, đầu ra, tờ khai... In báo cáo có mã vạch theo tiêu chuẩn của Tổng cục thuế

Phân hệ hợp đồng : Theo dõi tiến độ thực hiện các loại hợp đồng mua, bán. Theo dõi chi tiết doanh thu, chi phí, công nợ và lãi lỗ theo từng hợp đồng, nhóm hợp đồng

Phân hệ cổ đông : Quản lý sổ cổ đông, phát hành cổ phiếu, chia cổ tức. Cung cấp công cụ gửi thư, Email, SMS để gửi thông báo và liên lạc với cổ đông.

Phân hệ ngân sách : Lập kế hoạch thu, chi ngân sách, theo dõi các yêu cầu cấp kinh phí, phê duyệt yêu cầu và cấp phát ngân sách. Kiểm soát chi tiêu chặt chẽ, đặc biệt thích hợp với mô hình công ty đa chi nhánh, công ty mẹ - công ty con.

Phân hệ tổng hợp : Tổng hợp số liệu, kết chuyển lãi lỗ, lập báo cáo tài chính. Khoá sổ kế toán cuối kỳ.

+ Phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.8

Phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.8 là phiên bản mới nhất của Công ty SIS Việt Nam. Phiên bản đã được thiết kế theo quy định mới nhất của Bộ Tài

Chính. Với sản phẩm này người dùng chỉ cần cập nhật các số liệu đầu vào phát sinh chương trình sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách ,báo cáo kế toán, phân tích tài chính, sản xuất kinh doanh. Qua thực tế sử dụng tại hơn 1000 doanh nghiệp lớn nhỏ với nhiều ngành nghề kinh doanh khác nhau, SAS INNOVA 6.8 đã chứng minh được tính hiệu quả ứng dụng. Nhiều khách hàng đã khẳng định sản phẩm đã giúp lãnh đạo doanh nghiệp, các phòng ban chức năng có được số liệu cập nhật tức thời của các khâu hoạt động, giúp họ có những nhận định thực tế trước khi ra quyết định. Các dữ liệu được lưu trữ trong một cơ sở dữ liệu thống nhất, có khả năng khai báo, phân tích, thống kê phục vụ cho công tác lập kế hoạch, hoạch định phương hướng sản xuất kinh doanh, phân tích đánh giá hiệu quả đầu tư.

Giao diện của phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.8 :



Những điểm nổi bật của SAS INNOVA 6.8

Phương châm: SAS INNOVA 6.8 – Sản phẩm cho Cộng đồng Kế toán

Tính năng: SAS INNOVA 6.8 phát triển nhiều tính năng mới xuất phát từ yêu

cầu đòi hỏi của người kế toán và nhà quản trị doanh nghiệp trong xử lý công việc thực tế hàng ngày.

- Định nghĩa chuẩn các giao dịch phát sinh, người sử dụng chỉ việc lựa chọn các giao dịch hàng ngày để thực hiện mà không cần biết định khoản.
- Phần mềm cho phép lựa chọn các chức năng hay sử dụng và đưa ra màn hình giúp người sử dụng nhanh chóng truy cập các chức năng hàng ngày.
- Cho phép nhập dữ liệu nhanh chóng, giảm 90% thời gian với chứng từ số liệu tương tự (kế thừa các chứng từ tương tự hoặc giống nhau các thông tin với chức năng copy chứng từ).
- Cho phép thực hiện các nghiệp vụ tạo và in Phiếu thu tiền, In Phiếu xuất kho ngay trên Hóa đơn bán hàng. Tương tự với Hóa đơn Mua hàng (Tạo và In Phiếu chi tiền).
- Có hướng dẫn bằng hình ảnh và lời nói (Multi-Media).
- Đưa vào trợ giúp Qui trình mẫu, Kiến thức thuế, kế toán, tài chính, các qui chế nội bộ.
- Tính giá thành định mức các sản phẩm sản xuất.
- Tích hợp Mã vạch 2 chiều để in Tờ khai thuế và Bảng kê thuế.
- Quản lý số liệu theo nhiều đơn vị, nhiều xí nghiệp thành viên, nhiều mảng hoạt động.
- Quản lý số liệu theo nhiều năm làm việc, cho phép xem số liệu liên năm (đặc biệt trong các công trình xây dựng và các dây chuyền sản xuất).
- Theo dõi nhiều đơn vị tính của hàng hoá vật tư, cho phép tự động qui đổi đơn vị tính.
- Thêm nhiều trường tự do để người dùng tự định nghĩa mà không cần nhà sản xuất phải chỉnh sửa.
- Bổ sung thêm trạng thái của chứng từ nhằm mềm dẻo quá trình quản lý, giảm các khâu công việc chồng chéo, theo dõi được tình trạng xử lý của công việc, phản ánh chính xác tình trạng của công việc

Theo em công ty nên lựa chọn phần mềm kế toán Fast accounting bởi phần mềm này có giao diện dễ hiểu và có khả năng cập nhật khi hoạt động kinh doanh của công ty tăng trưởng. Fast Accounting cho phép bảo mật bằng mật

khẩu và phân quyền truy nhập chi tiết đến từng chức năng và công việc (đọc/sửa/xóa/tạo mới) trong chương trình cho từng người sử dụng. Chương trình có khả năng khóa số chi tiết đến từng loại chứng từ, theo dõi nhật ký người sử dụng.

3.2.4.5. Một số giải pháp khác

❖ Công ty nên sử dụng chiết khấu thương mại cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Điều này tuy làm giảm doanh thu nhưng lại giúp công ty thu hút thêm một lượng lớn khách hàng, đẩy mạnh được hoạt động tiêu thụ sản phẩm. Công ty có thể đưa ra các mức chiết khấu thương mại dưới dạng phần trăm của doanh thu thu được từ mỗi loại sản phẩm, hoặc có thể dưới dạng một khoản tiền nhất định.

Để hạch toán khoản chiết khấu thương mại này công ty nên sử dụng Tài khoản 521 – “Chiết khấu thương mại”. Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

Khi phát sinh các khoản chiết khấu thương mại:

Nợ TK 521

Nợ TK 3331

Có TK 111, 112, 131

Cuối kỳ kết chuyển các khoản chiết khấu thương mại:

Nợ TK 511

Có TK 521

❖ Ngoài ra công ty nên khuyến khích khách hàng trả nợ trước hạn bằng việc áp dụng chiết khấu thanh toán

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết.

Chính sách chiết khấu thanh toán của công ty có thể xây dựng dựa trên:

- Lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.

- Chính sách chiết khấu của các doanh nghiệp cùng ngành.
- Hay theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”.

Phản ánh số chiết khấu thanh toán mà khách hàng được hưởng kế toán ghi:

Nợ TK 635 – Số chiết khấu thanh toán dành cho người mua

Có TK 131,111,112 – Số tiền trả cho người mua

Cuối kỳ kết chuyển số chiết khấu thanh toán đã chấp nhận cho người mua phát sinh trong kỳ sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh.

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635 – Chi phí tài chính

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Kế toán với vai trò là thu thập, xử lý và cung cấp những thông tin kinh tế - Tài chính giúp các nhà quản lý doanh nghiệp đưa ra những quyết định quan trọng, kịp thời và chính xác cũng cần phải ngày một hoàn thiện hơn cho phù hợp với xu thế mới của nền kinh tế thị trường.

Vì vậy mỗi doanh nghiệp cần phải chú trọng quan tâm, hoàn thiện công tác kế toán nói chung và hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình để thích ứng với nền kinh tế thị trường có sức cạnh tranh ngày càng gay gắt. Đó là yếu tố hết sức cần thiết đối với bất kỳ doanh nghiệp nào tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà em cũng đã tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Cùng với sự giúp đỡ hết sức tận tình của Th.s.Nguyễn Thị Mai Linh và các anh chị kế toán tại Công ty cổ phần Bao Bì Hải Hà em đã hoàn tất khóa luận của mình. Qua khóa luận bằng sự kết hợp những kiến thức đã học ở trường với thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty em nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của công tác kế toán này. Do kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý và chỉ bảo của các thầy cô giáo.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 12 tháng 06 năm 2013

Sinh viên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính
2. Thông tư 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán, Nhà xuất bản thống kê, 2008
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán, Nhà xuất bản thống kê, 2008
5. “Nguyên lý kế toán”, NXB Tài chính, 2009